

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020
trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2011-2019

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện:

Huyện Vĩnh Cửu có vị trí rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai, đặc biệt là lĩnh vực quốc phòng, bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ nguồn nước cho hồ Trị An, bảo vệ môi trường sinh thái; diện tích tự nhiên của huyện là 109.086,82 ha. Tổng dân số 151.159 người/ 40.088 hộ, tỷ lệ dân cư nông thôn chiếm 79,94%. Toàn huyện có 12 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó thị trấn Vĩnh An là trung tâm hành chính của huyện. Ranh giới hành chính huyện được tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp huyện Đồng Phú và huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;
- + Phía Đông giáp huyện Tân Phú và huyện Định Quán của tỉnh Đồng Nai;
- + Phía Nam và Đông Nam giáp TP. Biên Hòa và huyện Trảng Bom của tỉnh Đồng Nai;
- + Phía Tây giáp huyện Bắc Tân Uyên và thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Là cửa ngõ phía Tây Bắc của tỉnh Đồng Nai, có các tuyến giao thông thủy - bộ quan trọng như: Tỉnh lộ 761, Tỉnh lộ 762, Tỉnh lộ 767, Tỉnh lộ 768; cầu Thủ Biên kết nối đường Vành đai 4 - là tuyến đường huyết mạch để giao lưu vận chuyển hàng hóa giữa các địa phương trong vùng, cùng với hệ thống sông Đồng Nai, hồ Trị An rộng lớn tạo cho Vĩnh Cửu có nguồn nước phong phú, trữ lượng lớn phục vụ cho tưới tiêu nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; có nhiều cảnh quan nổi tiếng như Đảo Ó - Đồng Trường, khu di tích lịch sử chiến khu D, các vườn cây ăn trái ven sông Đồng Nai,... thuận lợi cho phát triển dịch vụ du lịch sinh thái - tham quan nghiên cứu. Huyện có tiềm năng thu hút đầu tư lớn, có triển vọng phát triển các ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và Vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam.

2. Thuận lợi:

- Về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên:

Có vị trí địa lý kinh tế thuận lợi (nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam). Khí hậu ôn hòa, không có các hạn chế về thời tiết (bão, lụt, gió lạnh, sương muối...); các vấn đề về môi trường đang được quan tâm nên chưa có những phát sinh phức tạp.

Nguồn tài nguyên khá phong phú đặc biệt là tài nguyên rừng rất lớn (diện tích rừng là 69.143,31ha chiếm 63,38% diện tích tự nhiên toàn huyện; diện tích hồ Trị An trong địa phận huyện Vĩnh Cửu quản lý khoảng 14.173ha chiếm 43,74% tổng diện tích lòng hồ Trị An(tổng là 32.400 ha). Vì vậy, luôn giữ cho huyện nằm trong vùng khí hậu mát mẻ quanh năm; nguồn nước mặt phong phú nên đã điều tiết, ngăn chặn được sự xâm nhập của thủy triều, ngăn lũ, hạn chế thiên tai; đồng thời tạo nguồn nước phục vụ cho nhà máy thủy điện Trị An, cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt dân cư cho huyện và tỉnh.

Địa hình tương đối bằng phẳng, cùng với tài nguyên đất phong phú, đặc biệt là các vùng đất phù sa bồi ven sông Đồng Nai và cù lao Tân Triều, thích hợp cho phát triển trồng cây ăn trái mang lại hiệu quả kinh tế cao (điển hình như: cây bưởi, xoài, cam, quýt..); ngoài ra cũng thích hợp cho trồng lúa, hoa màu và nuôi trồng thủy sản.

Năm 2006 thương hiệu bưởi Biên Hòa - đặc sản Tân Triều đã được Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam công nhận và cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00031 cho sản phẩm bưởi đặc sản Đường lá cam và bưởi Ôi, cũng từ đó các sản phẩm này đã chính thức tiếp cận thị trường và hướng tới xuất khẩu. Đây là một lợi thế rất lớn đối với cây bưởi trên đất Đồng Nai nói chung và huyện Vĩnh Cửu nói riêng.

- Về điều kiện kinh tế - xã hội:

Tốc độ phát triển kinh tế trên địa bàn huyện trong những năm qua luôn ở mức cao, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 là 7,98%, năm 2019 ước đạt 8,12%; cơ cấu kinh tế chuyên dịch đúng hướng, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ: năm 2011 cơ cấu kinh tế (công nghiệp 73,52%, dịch vụ 15,78%, nông - lâm - thủy sản 10,70%), năm 2019 (ước công nghiệp 74,15% , dịch vụ 16,4%, nông - lâm - thủy sản 9,45%).

Hạ tầng kinh tế, xã hội được đầu tư đồng bộ: trụ sở làm việc các ban ngành, trường học, bệnh viện, đường giao thông, công trình cấp nước được xây dựng, phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân trong huyện. Đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Các chính sách về kinh tế và xã hội được quan tâm thường xuyên như: chính sách về giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao, chính sách về giảm nghèo; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách ưu đãi cho gia đình có công cách mạng, gia đình thương binh liệt sỹ...

3. Khó khăn:

- Về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên:

Nằm ở vị trí thượng nguồn sông Đồng Nai đã đặt ra cho Vĩnh Cửu một thách thức không nhỏ trong quá trình phát triển đó là phát triển bền vững kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn nước.

Không gian lãnh thổ bị chia cắt bởi các công trình quốc gia như: các tuyến đường điện cao thế (110 - 500kV), các công trình an ninh, quốc phòng, giữ rừng đầu nguồn, hồ Trị An... nên không gian phát triển kinh tế huyện bị hạn chế.

Tài nguyên du lịch có tiềm năng lớn nhưng chưa được đầu tư khai thác đúng mức, nên nguồn lợi thu được, cũng như đóng góp vào sự tăng trưởng chung của huyện còn hạn chế.

- Về kinh tế - xã hội:

Áp lực về giao thông, nhất là việc vận chuyển trong khai thác đá và vật liệu xây dựng; ảnh hưởng ô nhiễm môi trường từ các khu, cụm công nghiệp, từ các khu vực khai thác mỏ trên địa bàn huyện.

Hạ tầng xã hội: trình trạng quá tải về trường lớp, y tế, do tăng dân số cơ học nhanh tại một số khu, cụm công nghiệp.

Lực lượng lao động nhiều nhưng lao động chất lượng cao còn hạn chế, khó khăn cho huyện trong chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế...

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2016-2020

Huyện Vĩnh Cửu thực hiện xây dựng nông thôn mới với tinh thần chủ động, quyết tâm cao, trước khi có Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Chương trình xây dựng nông thôn mới, huyện Vĩnh Cửu đã chủ động triển khai thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Đồng Nai về xây dựng nông thôn "4 có" (có đời sống kinh tế được cải thiện; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; có đời sống văn hóa tốt - an ninh, an toàn đảm bảo; có môi trường sinh thái phát triển bền vững), đã tạo được nền tảng, điều kiện thuận lợi ban đầu cho thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Trung ương, Chương trình xây dựng nông thôn mới, chỉ đạo của tỉnh, huyện đã ban hành đồng bộ các văn bản để chỉ đạo thực hiện (Kế hoạch của Huyện ủy, UBND huyện); quyết định thành lập Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới của huyện, tổ chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo đã huy động rộng và mạnh hơn sự tham gia của các tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện Chương trình; đặc biệt là MTTQ và các đoàn thể. Đây cũng là một trong yếu tố quan trọng tạo sức mạnh trong chỉ đạo và sự thành công của Chương trình. Các xã đều có Nghị

quyết, Kế hoạch và thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xã, Ban Phát triển ấp để triển khai thực hiện chương trình trên từng địa bàn xóm, ấp, cộng đồng dân cư.

Bước đầu khi triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, huyện Vĩnh Cửu đứng tốp cuối cùng của tỉnh Đồng Nai, do điều kiện triển khai thực hiện Chương trình còn nhiều khó khăn, phải giải quyết từng bước và có kế hoạch cụ thể và thực hiện theo mô hình xã điểm trước, từ những kinh nghiệm của xã điểm, triển khai thực hiện những xã tiếp theo, từ đó khắc phục được những tồn tại vướng mắc, đồng thời phát huy thế mạnh trong từng tiêu chí.

Chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi (từ đất lúa kém hiệu quả, đất trồng mì; trồng các loại cây trồng mang lại hiệu quả thấp) sang chuyên canh trồng bưởi, cam, quýt, chăn nuôi hươu nai, những mô hình có giá trị kinh tế cao. Phát huy lợi thế từ mặt nước của lòng hồ Trị An, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi, trồng thủy sản giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập ổn định đời sống cho lao động nông thôn tại địa phương.

Chỉ đạo việc thực hiện Đề án phát triển du lịch của huyện gắn với sản xuất nông nghiệp bền vững. Trong công tác chỉ đạo thực hiện vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi, ngành chăn nuôi được định hướng rõ các bước phát triển nhằm nâng cao giá trị gia tăng, bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm, điển hình ở xã Hiếu Liêm đã nhân rộng được rất nhiều mô hình chăn nuôi hươu nai, đây là mô hình chăn nuôi mang lại hiệu quả cao cả về kinh tế - xã hội - môi trường, hình thành một sản phẩm nổi tiếng trong việc thu hút khách du lịch - dịch vụ của huyện nói riêng và của tỉnh Đồng Nai nói chung.

Chỉ đạo phát động cuộc thi “Áp-khu phố văn hóa sáng, xanh, sạch, đẹp” năm 2017. Kết quả, sau gần 03 năm tổ chức Hội thi trên địa bàn huyện đã nhân rộng nhiều tuyến đường sáng, xanh, sạch đẹp; nhận thức về môi trường sống của các tầng lớp nhân dân ở địa bàn dân cư đã được nâng lên đáng kể, góp phần tích cực vào phong trào xây dựng NTM của huyện.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả việc giữ ổn định diện tích rừng hiện có và trồng thêm cây rừng, nhằm bảo vệ tài nguyên rừng, tăng tính đa dạng sinh học trong khu bảo tồn góp phần bảo vệ nguồn nước của hồ Trị An. Phát triển diện tích rừng sản xuất ở các xã: Trị An, Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân và TT. Vĩnh An để vừa tạo độ che phủ, bảo vệ nguồn nước sông Đồng Nai, vừa cung cấp nguyên liệu gỗ cho sản xuất. Triển khai thực hiện việc trồng cây xanh phân tán trong các khu đô thị, khu dân cư, khu - cụm công nghiệp, công sở... để tạo cảnh quan và giảm ô nhiễm khí, bụi.

Do địa bàn huyện trải dài khoảng gần 100km, trong khi đó mỗi khu vực có lợi thế riêng, để khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, huyện Vĩnh Cửu đã chia làm 2 khu vực để chỉ đạo cho phù hợp với điều kiện phát triển của các xã như sau:

- **Đối với các xã phía nam của huyện:** xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu kinh tế nông nghiệp- công nghiệp-dịch vụ. Khu vực này có 1 khu công

nghiệp và 6 cụm công nghiệp, với tốc độ phát triển công nghiệp – dịch vụ khá nhanh, tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp tại khu vực này cũng là tiềm năng lớn của huyện, do đó huyện đã chỉ đạo ngành nông nghiệp, UBND các xã hàng năm xây dựng kế hoạch để bảo vệ và phát triển mô hình – chuỗi liên kết đối với đặc sản Bưởi Tân Triều, đây là mô hình mang lại hiệu quả cả về kinh tế - xã hội – môi trường.

- **Đối với khu vực còn lại gồm xã Trị An, Hiếu Liêm, Mã Đà, Phú Lý và thị trấn Vĩnh An:** với vai trò trong bảo vệ nguồn nước, tài nguyên rừng, đây là “Lá phổi” của tỉnh Đồng Nai nên không thể phát triển công nghiệp tại khu vực này, do đó việc phát triển kinh tế - xã hội là gắn cơ cấu kinh tế nông nghiệp – dịch vụ - bảo vệ môi trường. Mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ nguồn nước, bảo vệ rừng, để tận dụng những điều kiện thuận lợi nhằm phát triển kinh tế, huyện Vĩnh Cửu đã chỉ đạo công tác quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo địa hình, điều kiện thổ nhưỡng của các địa phương (trên khu vực cao sẽ trồng những cây chịu khô tốt hơn như cây Xoài, dưới thấp trồng cây có múi). Bên cạnh đó, chỉ đạo chú trọng sử dụng sinh học hữu cơ vào sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất lao động và bảo vệ môi trường.

Đề án phát triển du lịch đưa các tuyến du lịch vào để khai thác như: Du lịch sinh thái (Rừng nằm trong Khu bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Mặt nước lòng hồ Trị An), Du lịch về nguồn (Điểm di tích Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy miền Đông – Chiến khu D), Cảnh quan thiên nhiên (điểm du lịch Cao Minh, Trung tâm Du Lịch Đảo Ó – Đồng Trường), bên cạnh đó, phát triển du lịch dã ngoại, tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng, du lịch hành hương, du lịch làng nghề...

2. Hoàn thiện hệ thống khung khổ pháp luật và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình.

Huyện uỷ Vĩnh Cửu đã cụ thể hoá các văn bản của TƯ và của tỉnh bằng Kế hoạch số 58-KH/HU Ngày 02/12/2008 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”; Nghị quyết số 60-NQ/HU ngày 25/8/2014 của Ban Thường vụ Huyện uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng trong triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu; Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng trong xây dựng NTM giai đoạn 2015-2020; Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 23/01/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa X về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2017 và những năm tiếp theo.

Hội đồng nhân dân huyện đã ban hành các nghị quyết về hỗ trợ ngân sách huyện để xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp, khu phố; kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Trên cơ sở đó UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch số 244/KH-UBND về việc thực hiện Kế hoạch số 58-KH/HU ngày 02/12/2008 của Huyện uỷ Vĩnh Cửu; Kế hoạch số 352/KH-UBND ngày 01/6/2012 về tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Toàn huyện chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2015; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng trong xây dựng NTM giai đoạn 2015-2020.

Ngoài ra, căn cứ văn bản hướng dẫn thực hiện từng tiêu chí của các Sở, ngành, các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, cũng đã ban hành các văn bản hướng dẫn cho các xã thực hiện những tiêu chí do ngành phụ trách.

3. Xây dựng đồng bộ hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a. Mô hình tổ chức bộ máy chỉ đạo thực hiện chương trình từ huyện đến xã, ấp

- Ở cấp huyện: UBND huyện đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2010-2020;

- Ở cấp xã: Đảng ủy 11/11 xã đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Xây dựng nông thôn mới xã. UBND xã ban hành Quyết định thành lập Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã và Quyết định thành lập Ban Phát triển ấp.

- Bộ máy chỉ đạo từ huyện đến xã sẽ được kiện toàn mỗi khi có sự thay đổi nhân sự để đảm bảo cho việc chỉ đạo, thực hiện được xuyên suốt. Ngoài ra, UBND huyện đã thành lập tổ công tác thường xuyên tổ chức kiểm tra đề hướng dẫn, hỗ trợ các xã triển khai thực hiện bộ tiêu chí đúng theo kế hoạch đề ra, cũng như qua đó sẽ tổng hợp những khó khăn, vướng mắc để tham mưu UBND huyện kịp thời xử lý.

Để quản lý, điều hành thực hiện Chương trình, song song việc kiện toàn, củng cố nhân sự, Ban Chỉ đạo huyện cũng ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo huyện trong đó phân công, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của Trưởng ban, các Phó trưởng ban và các thành viên nhằm nâng cao chất lượng hoạt động cũng như trong phối hợp tổ chức thực hiện. Ban Chỉ đạo huyện duy trì tốt chế độ họp thường kỳ cũng như đột xuất, tổ chức thực hiện phối hợp tốt các nhiệm vụ giữa các thành viên Ban Chỉ đạo, giữa Ban Chỉ đạo đối với các Phòng, ban, tổ chức đoàn thể và các địa phương, thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các mục tiêu kế hoạch, Chương trình. Báo cáo xin ý kiến huyện ủy, UBND huyện cũng như chỉ đạo kịp thời các Phòng, ban của huyện, các địa phương trong thực hiện Chương trình

b. Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho BCD theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 5/10/2016 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối các cấp.

- Cấp huyện: Bộ phận Thường trực điều phối chương trình tại cấp huyện, do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm nhận. Giai đoạn 2015 đến nay đã thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện, do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện kiêm Chánh Văn phòng, Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT và, Lãnh đạo Văn phòng UBND huyện kiêm nhiệm 02 Phó Chánh Văn phòng, 02 công chức chuyên trách và 01 hợp đồng lao động. Ngoài ra còn có một số chuyên viên của các Phòng, ban phụ trách tiêu chí cử tham gia kiêm nhiệm là thành viên tổ giúp việc.

- Cấp xã: từ năm 2015 đến nay, toàn bộ 11/11 xã trên địa bàn đều được bố trí một công chức thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới.

c. Đánh giá tình hình hoạt động của bộ máy chỉ đạo.

- Ban chỉ đạo huyện, xã: Nhìn chung, kết quả quản lý, điều hành thực hiện Chương trình của bộ máy chỉ đạo huyện và các xã thời gian qua đạt kết quả tốt: đã cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; sơ kết hàng năm thực hiện Chương trình, đánh giá về kết quả thực hiện, đề ra các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch và giải pháp thực hiện tiếp theo; giải quyết, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc phát sinh, chất lượng hoạt động của các thành viên Ban Chỉ đạo được nâng lên rõ rệt, sự phối hợp của các cơ quan các cấp, các ngành đồng bộ, chặt chẽ hơn; nắm bắt kịp thời thông tin chỉ đạo của cấp trên; bám sát tình hình thực tế ở từng địa phương, từng khu vực được phân công phụ trách. Tuy nhiên, vẫn còn một số xã, bộ máy chỉ đạo hoạt động còn chậm, chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm dẫn đến kết quả xây dựng nông thôn mới chưa đạt đúng theo tiến độ. Do vậy Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo quyết liệt mới đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch thực hiện Chương trình.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện kể từ khi thành lập cho đến nay luôn phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong công tác tham mưu cho Ban chỉ đạo huyện trong việc đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát toàn diện trên địa bàn để kịp thời tham mưu cho BCD tập trung xử lý và tháo gỡ những khó khăn còn vướng mắc, nhằm đảm bảo việc tổ chức thực hiện đạt kết quả các chỉ tiêu mà kế hoạch đề ra đúng theo tiến độ.

- Tại các xã mặc dù đã bố trí công chức chuyên trách nông thôn mới. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực khác, do đó công tác tham mưu cho BCD, cũng như thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về xây dựng nông thôn mới ở các xã còn nhiều hạn chế.

4. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới.

Trong những năm qua, để việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn đạt hiệu quả, BCD huyện đã phối hợp với Văn phòng điều phối tỉnh tổ chức 14 lớp tập huấn kiến thức về xây dựng NTM cho cán bộ là thành viên Ban chỉ đạo huyện, xã, Ban Quản lý xã và Ban Phát triển ấp, đội ngũ

báo cáo viên của xã, cán bộ làm công tác tuyên giáo của các ngành, cơ quan cấp huyện với số lượt tham gia trên 5.440 lượt. Ngoài ra, hàng năm huyện đều tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách nông thôn mới cho các cơ quan thuộc huyện, Văn phòng điều phối cấp huyện và cán bộ làm công tác nông thôn mới cấp xã, tổ nhân dân tại khu dân cư ...với trên 590 lượt người tham dự (bình quân 70 người/ năm). Chương trình tập huấn, tuyên truyền, tập trung vào các nội dung: những vấn đề cơ bản về xây dựng nông thôn mới; kỹ năng tổ chức triển khai thực hiện nông thôn mới, nông thôn kiểu mẫu; xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp bền vững; xây dựng nông thôn mới gắn với việc giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hóa làng quê; về phát triển hợp tác xã; bảo vệ môi trường...Nhìn chung, qua công tác tập huấn, tuyên truyền, đội ngũ cán bộ, công chức từ huyện đến xã đều tham gia đầy đủ và học tập nghiêm túc, nắm được các nội dung tập huấn; từ đó, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện Chương trình đạt kết quả cao.

5. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới.

5.1. Đánh giá tình hình triển khai, kết quả, hiệu quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn

Công tác tuyên truyền được thực hiện phong phú, đa dạng thông qua các hình thức như: Hội thi, hội diễn, các hoạt động VHVN - TDTT, tuyên truyền thông qua Đội thông tin lưu động, trên hệ thống loa đài truyền thanh, các hình thức tuyên truyền cổ động trực quan (pano, băng rôn, xe lưu động...), bảng điện tử tại 02 cổng chào của huyện, trang thông tin điện tử của huyện, cụ thể:

+ Hàng năm tổ chức 10 hội thi, hội diễn văn hóa văn nghệ và 16 giải thể thao quần chúng cấp huyện.

+ Tổ chức biểu diễn 526 buổi thông tin lưu động kết hợp tuyên truyền xây dựng nông thôn mới thu hút đông đảo nhân dân đến xem và cổ vũ.

+ Đã làm mới 580m² pano, thay mới nội dung 848m² pano tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới.

+ Đã thực hiện 1.500 băng rôn, khẩu hiệu và 252 chuyến xe tuyên truyền lưu động.

+Tuyên truyền trên bảng điện tử tại 02 cổng chào của huyện 10 giờ/bảng/ngày, trong đó có các câu khẩu hiệu về xây dựng nông thôn mới.

+ Trang thông tin điện tử của huyện có 01 mục riêng về xây dựng nông thôn mới, đã đăng tải được 493 tin, bài, hình ảnh, văn bản chỉ đạo điều hành về công tác xây dựng nông thôn mới.

+ Thực hiện và cấp phát 11.853 tài liệu tuyên truyền (đĩa, tờ rơi, áp phích, tranh tuyên truyền...) cho các xã, thị trấn tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của đất nước, địa phương, trong đó có xây dựng NTM.

+ Thông qua các hội thi: Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, Liên hoan “Áp, khu phố văn hóa” hàng năm đã lồng ghép nội dung câu hỏi kiến thức vào nội dung chương trình văn nghệ, tiểu phẩm dự thi để tuyên truyền xây dựng nông thôn mới.

+ Từ năm 2011 đến 2019, Đài Truyền thanh huyện đã thực hiện được khoảng 1.854 tin, bài viết, phóng sự, phỏng vấn về công tác xây dựng NTM trên địa bàn huyện. Ngoài thời lượng phát tin, bài về công tác xây dựng NTM do các phóng viên của Đài thực hiện, Đài còn phát các file tuyên truyền NTM do tỉnh và Trung ương cung cấp. Mỗi file tuyên truyền có thời lượng từ 10 – 15 phút. Mỗi tuần phát từ 6-8 lần (Tổng thời lượng tuyên truyền công tác xây dựng NTM từ năm 2011 đến nay đạt khoảng 1.085 giờ).

Thông qua công tác tuyên truyền đã góp phần giúp cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tạo sự thống nhất từ nhận thức đến hành động để cùng chung tay xây dựng NTM. Việc tuyên truyền xây dựng nông thôn mới được thực hiện thường xuyên, liên tục với cách thức đa dạng đã đưa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới đến từng gia đình và mỗi người dân nông thôn, lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng, tạo chuyển biến từ nhận thức, ý thức và hành động, từ đó góp phần thực hiện thành công, bền vững các tiêu chí nông thôn mới do có sự chung sức của cộng đồng và sự đồng lòng của nhân dân. Do vậy có thể nói, công tác tuyên truyền đóng vai trò cực kỳ quan trọng, là một trong những yếu tố quyết định đến sự thành công của phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện trong suốt thời gian qua.

5.2. Đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2010-2020 và đánh giá hiệu quả của Phong trào thi đua đối với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Thực hiện Quyết định số 3834/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định tiêu chí thi đua, khen thưởng thực hiện phong trào thi đua “*Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2011-2015, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 352/KH-UBND ngày 01/6/2012 về tổ chức thực hiện phong trào thi đua “*Toàn huyện chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2011-2015 trên toàn địa bàn huyện.

Trong những năm qua, phong trào thi đua gắn với xây dựng xã văn hóa nông thôn mới, thị trấn văn minh đô thị được triển khai thực hiện đồng bộ trên địa bàn huyện, thu hút sự quan tâm hưởng ứng thực hiện của các tầng lớp nhân dân. Phong trào chính là sợi dây kết nối, phát huy sức mạnh cộng đồng dân cư góp phần trong tiến trình phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng và đặc biệt là Chương trình xây dựng nông thôn mới. Kết quả, tổng số xã đạt danh hiệu xã văn hóa nông thôn mới trên toàn huyện là 11/11 xã (đạt 100%) và thị trấn Vĩnh An đạt chuẩn văn minh đô thị. Đến nay có 65/65 ấp, khu phố đạt danh hiệu ấp, khu phố văn hóa (đạt 100%); có 12/12 xã, thị trấn đạt số điểm được công

nhận xã, thị trấn làm tốt công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy; có 100% cơ quan được công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa; có 39.779/40.088 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa (đạt 99,23%).

6. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2019

Trong giai đoạn 2011 đến 6/2019, tổng nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện là 22.258,745 tỷ đồng. Trong đó vốn ngân sách 2.671,957 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 12%, vốn xã hội hóa 19.586,788 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 88%, cụ thể:

- Ngân sách Trung ương + thưởng: 15,451 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,07%.
- Ngân sách tỉnh: 1.097,558 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 4,9 %.
- Ngân sách huyện: 1.511,286 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 6,8 %.
- Ngân sách xã: 47,662 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,2%.
- Vốn vay tín dụng: 316,333 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,4%.
- Doanh nghiệp: 8.758.022 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 39,3%. Trong đó:
 - + Đầu tư nhà máy, trang thiết bị sản xuất là: 5.902,022 tỷ đồng;
 - + Đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội: đường giao thông, điện, trường học, khu thể thao, vui chơi trẻ em, chợ nông thôn, phòng khám... khoảng: 2.370 tỷ đồng;
 - + Đóng góp bằng tiền mặt khoảng: 220 tỷ đồng;
 - + Đóng góp bằng hiện vật: xi măng, cát đá, gạch... khoảng: 256 tỷ đồng;
 - + Đóng góp bằng hình thức khác khoảng: 10 tỷ đồng.
- Vốn lồng ghép 2.528,466 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 11,36%.
- Nhân dân đóng góp: 7.323,102 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 32,90%. Trong đó:
 - + Tiền mặt khoảng: 232,102 tỷ đồng;
 - + Ngày công lao động khoảng: 31 tỷ đồng;
 - + Hiện vật (đất và tài sản trên đất) khoảng: 116 tỷ đồng;
 - + Đầu tư xây mới và sửa chữa nhà ở khoảng: 3.790 tỷ đồng;
 - + Đầu tư phát triển sản xuất nâng cao đời sống khoảng: 3.154 tỷ đồng.
- Vốn khác: 660,865 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,97%.

6.1. Kết quả huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2010-2015: 8.902,622 tỷ đồng, trong đó:

- Cấp ngân sách TW: 5,451 tỷ đồng
- Cấp ngân sách tỉnh: 439,023 tỷ đồng
- Cấp ngân sách huyện: 604,514 tỷ đồng

- Cấp ngân sách xã: 19,064 tỷ đồng
- XHH + NDĐG: 7.833,570 tỷ đồng

6.2. Kết quả huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2019: 13.356,123 tỷ đồng, trong đó:

- Cấp ngân sách TW: 10,000 tỷ đồng
- Cấp ngân sách tỉnh: 658,535 tỷ đồng
- Cấp ngân sách huyện: 906,772 tỷ đồng
- Cấp ngân sách xã: 28,598 tỷ đồng
- XHH + NDĐG: 11.752,218 tỷ đồng

7. Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình

Nguồn lực trong đầu tư xây dựng nông thôn mới của huyện trong giai đoạn 2010-2019 để thực hiện Chương trình là rất lớn (22.258,715 tỷ đồng kể cả nguồn nhân dân và các doanh nghiệp tự đầu tư vào sản xuất).

Hàng năm căn cứ nguồn vốn đầu tư công do Ngân sách Tỉnh phân bổ và các nguồn vốn khác do huyện quản lý, UBND huyện đã cân đối nguồn lực để bố trí vốn hợp lý cho việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn.

Tất cả các công trình do huyện quản lý và triển khai thực hiện đều thuộc nhóm C (thời gian bố trí vốn thực hiện không quá 3 năm). Do vậy tất cả các công trình đã bố trí trong kế hoạch hàng năm và triển khai thực hiện đều được UBND huyện bố trí vốn đầy đủ trong thời gian quy định để thanh toán khối lượng thực hiện.

Trên cơ sở đó, khẳng định rằng đến thời điểm hiện nay 30/6/2019 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu không có nợ đọng trong việc đầu tư xây dựng cơ bản, trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

8. Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình.

Trong 10 năm thực hiện Chương trình, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện được kịp thời.

Hàng năm Văn phòng Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch tham mưu Lãnh đạo huyện ủy, HĐND, UBND huyện tổ chức kiểm tra, giám sát đối với các xã trong công tác triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, nhất là đối với các xã nằm trong kế hoạch hoàn thành theo lộ trình của từng năm. Thời gian thực hiện kiểm tra, giám sát theo định kỳ mỗi quý 1 lần, sau các đợt kiểm tra có thôn báo kết luận chỉ đạo để thực hiện. Đặc biệt hàng tháng thường trực huyện ủy tổ chức họp giao ban để nghe BCĐ huyện và các xã báo cáo kết quả thực hiện, cũng như trình bày những khó khăn phát sinh trong tháng để kịp thời chỉ đạo cho UBND huyện cùng các Ban,

ngành trực thuộc huyện có liên quan tập trung xử lý, nhằm tạo điều kiện để các địa phương tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

- Đến cuối tháng 6 năm 2017, huyện có 11/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Đến cuối năm 2017 huyện đã hoàn thành 9 tiêu chí NTM theo Quyết định số 558/QĐ-TTg. Ngày 22/3/2018, Thủ tướng đã ban hành QĐ số 326/QĐ-TTg công nhận huyện Vĩnh Cửu đạt chuẩn huyện NTM năm 2017.

- Hiện nay, huyện có 4/11 xã được công nhận xã đạt nông thôn mới nâng cao của tỉnh Đồng Nai.

2. Kết quả thực hiện các nội dung xây dựng xã nông thôn mới

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch (11/11 xã giữ vững tiêu chí).

Căn cứ theo các quy định của Trung ương, quy định của UBND tỉnh Đồng Nai và kết quả quy hoạch điểm dân cư nông thôn, chỉ đạo của huyện, các xã đã tiến hành triển khai công tác lập quy hoạch nông thôn mới đồng bộ và theo quy định. Đến tháng 10/2013 toàn huyện đã có 11/11 xã được UBND huyện phê duyệt Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Trên cơ sở Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới, UBND các xã đã thực hiện công bố, công khai quy hoạch theo quy định bằng các hình thức như niêm yết bản đồ quy hoạch NTM tại trung tâm xã, tại các ấp, cụm dân cư của từng xã, dựng bảng pano công bố quy hoạch tại xã, công khai rộng rãi để người dân được biết và thực hiện. Công tác quản lý quy hoạch nông thôn mới tại các xã luôn được triển khai thực hiện tốt, hiệu quả.

Hàng năm, căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội thực tế của từng xã, UBND các xã đã tổ chức rà soát, bổ sung điều chỉnh cục bộ quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Hiện nay, các xã đang rà soát, xây dựng quy hoạch chung cấp xã, trong đó gắn với điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Kinh phí thực hiện: Khoảng 7,15 tỷ đồng, từ nguồn ngân sách.

Quy hoạch chung xây dựng vùng huyện Vĩnh Cửu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 21/02/2018.

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng:

a. Giao thông (11/11 xã giữ vững tiêu chí):

Qua 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, quy hoạch giao thông vận tải trên địa bàn huyện theo định hướng phát triển của UBND tỉnh Đồng Nai đã cơ bản hình thành kết cấu hạ tầng

giao thông nông thôn đồng bộ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung, của huyện Vĩnh Cửu nói riêng phát triển theo hướng bền vững.

Xây dựng nông thôn mới chính là một cuộc cách mạng sâu sắc và toàn diện. Với phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*”, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, trong đó, người dân, đã nhận thức rõ trách nhiệm, quyền lợi, chủ động tham gia tích cực, thực hiện xây dựng nông thôn mới. Ngoài cơ chế tình hỗ trợ để thực hiện xây dựng các tuyến đường trục chính của xã, các tuyến đường trục thôn xóm, ngõ xóm nhân dân tự xây dựng theo thiết kế mẫu, huyện hỗ trợ một phần kinh phí cùng với nhân dân thực hiện. Giai đoạn xây dựng nông thôn mới năm 2011 – 2019 đã thực hiện đầu tư nâng cấp bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng 245 tuyến, với chiều dài 215,5Km, cụ thể: Đường huyện và đường đô thị 43,9Km; Đường xã quản lý 171,6Km.

- Hệ thống giao thông đường huyện quản lý:

+ Trong giai đoạn 2011-2019 được sự quan tâm của UBND tỉnh, của các cấp ủy Đảng và sự nỗ lực của chính quyền địa phương, tình hình thực hiện đầu tư các tuyến đường huyện quản lý đã được quan tâm đặc biệt chú trọng: Đã thực hiện đầu tư nâng cấp và sửa chữa được 41,58Km đường huyện quản lý và 2,42Km đường đô thị (tổng cộng 43,9km). Tổng Kinh phí thực hiện khoảng 456,267 tỷ đồng. Trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 197,98 tỷ đồng; ngân sách huyện 238,299 tỷ đồng; ngân sách xã 11,98 tỷ đồng; nguồn vận động doanh nghiệp đóng góp 8 tỷ đồng.

+ Năm 2019 tỷ lệ nhựa hóa các tuyến đường huyện quản lý thuộc phân kỳ đầu tư giai đoạn trước năm 2019 đạt 100%. (tăng 35,62% so với năm 2011).

- Hệ thống đường giao thông nông thôn do UBND các xã quản lý: Hiện nay trên địa bàn các xã có tổng cộng 345 tuyến đường GNTN với tổng chiều dài 264,22Km. Trong đó, đã thực hiện nâng cấp bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng được 189 km, đạt tỷ lệ 71 %, còn lại đã được cứng hoá bằng cấp phối đá dăm. So với thời điểm năm 2011, tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hoá các tuyến đường giao thông nông thôn tăng 60% (năm 2011 tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hoá 29,45/264,22km, đạt 11%). Trong đó:

+ Đường trục xã: gồm có 29 tuyến với chiều dài 40,09Km, hiện trạng đã được thực hiện đầu tư BTNN, BTXM 29 tuyến, dài 40,09km đạt tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hoá 100%. (BTNN 12,38km/40,09km tỷ lệ 30,9%, BTXM 27,71km/40,09km, tỷ lệ 69,1%).

+ Đường trục ấp: gồm có 96 tuyến với chiều dài 80,97Km, hiện trạng các tuyến đường trục ấp (trục thôn) đã được cứng hoá, đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT đạt tỷ lệ 100%, đạt tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hoá 91,9% (BTNN 29,22km, tỷ lệ 36,1%; BTXM 45,21km, tỷ lệ 55,8%), phần còn lại được cứng hoá bằng CPĐD 6,54km, tỷ lệ 8,1%.

+ Đường ngõ xóm: gồm 181 tuyến với chiều dài 74,17Km hiện trạng các tuyến đường ngõ xóm đã được cứng hoá, sạch sẽ không lầy lội vào mùa mưa,

đạt tỷ lệ 100%, đạt tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hoá 77,9% (BTNN 5,46km, tỷ lệ 7,3%; BTXM 52,42km, tỷ lệ 70,67%), phần còn lại được cứng hoá bằng CPĐD 16,18km, tỷ lệ 21,8%.

+ Đường trục chính nội đồng: gồm 50 tuyến với chiều dài 68,99Km, hiện trạng các tuyến đường trục chính nội đồng đã được thực hiện đầu tư cứng hoá bằng cấp phối đá dăm, đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt tỷ lệ 100%. Cụ thể, đạt tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hoá 24,2% (BTNN 1,07km, tỷ lệ 1,5%; BTXM 15,6km, tỷ lệ 22,7%), phần còn lại được cứng hoá bằng CPĐD 52,32km, tỷ lệ 75,8%.

b. Thủy lợi: ((11/11) xã giữ vững tiêu chí về thủy lợi).

Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2019 tổng nguồn vốn đầu tư mới, sửa chữa nâng cấp công trình thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương là 92.094.836.000đồng

Trong những năm qua, hệ thống thủy lợi trên địa bàn các xã được UBND huyện ưu tiên, quan tâm đầu tư, nâng cấp và xây mới theo đúng quy hoạch, kế hoạch, thiết kế được duyệt, tạo nên sự đồng bộ của hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện, từ công trình đầu mối đến hệ thống kênh mương, hệ thống tưới nước tiết kiệm đều được quản lý khai thác hiệu quả, đã đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt cho dân cư nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế chung trên địa bàn. Số lượng công trình thủy lợi trên địa bàn huyện là: 23 công trình, trong đó 16 trạm bơm điện, 4 đập dâng, 1 suối sâu và 2 hồ chứa: hồ Mo Nang và hồ Bà Hào. Trong đó huyện quản lý 22 công trình, Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai quản lý 01 công trình hồ Bà Hào. Tổng chiều dài hệ thống kênh mương trên địa bàn là 60,15km, cùng với hệ thống giếng khoan, giếng đào trong dân đã cơ bản đáp ứng tốt việc tưới tiêu phục vụ sản xuất, đảm bảo cấp nước tưới chủ động cho 7.196 ha lúa và cây trồng khác đạt tỷ lệ 51,08% (tăng 23,2% so với năm 2011).

c. Hệ thống điện: (11/11 xã giữ vững tiêu chí).

Trong những năm qua, bằng nhiều nguồn vốn hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện đã được tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp, góp phần thay đổi tập quán và quy mô canh tác, thâm canh, tăng năng suất cây trồng, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, đẩy nhanh quá trình xây dựng nông thôn mới. Từ năm 2011- 2019, trên toàn địa bàn huyện đã được đầu tư nâng cấp và đầu tư xây dựng thêm 97,4km đường dây trung thế, đường dây hạ thế 105,1km (trong đó có hơn 44 km đường dây điện trung thế, 30,22 km đường dây điện hạ thế là do nguồn vốn ngân sách và nhân dân đầu tư; phần còn lại do ngành điện thực hiện đầu tư). Hệ thống kết cấu hạ tầng hệ thống điện được thiết kế đảm bảo theo quy định của ngành điện; các xã, tỷ lệ số hộ có điện sử dụng thường xuyên là 99,99% (trừ khu vực áp 3; áp 4; áp 5; áp 6; áp 7 của xã Mã Đà và áp 4 xã Hiếu Liêm, khu vực không thuộc trong quy hoạch nông thôn mới của 2 xã. So với năm 2011, tỷ lệ số hộ có điện sử dụng thường xuyên tăng 8,9% (năm 2011 tỷ lệ số hộ sử dụng điện thường xuyên là 91,09%).

d. Trường học: (11/11 xã giữ vững tiêu chí).

Trên địa bàn huyện có 41 trường công lập (bao gồm: 14 trường Mầm non, 17 trường Tiểu học, 10 trường THCS) và 02 trường Dân lập (MG Thanh Tâm và MN Sao Mai). Ngoài ra còn có 04 trường THPT (trong đó có 03 trường công lập, 01 trường dân lập); 41 nhà, nhóm trẻ tư thục; 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; 01 trường trung cấp nghề Đông Nam bộ (trực thuộc Bộ NN và PTNT) đã góp phần quan trọng vào công tác đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ để phát triển văn hóa, xã hội cho địa phương (so với năm 2011 tăng 01 trường TH Chu Văn An, 01 trường MN Sao Mai và 05 nhà, nhóm trẻ tư thục).

Từ năm 2011 - 2019, đã thực hiện nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới 50 công trình trường học với tổng kinh phí 457,1 tỷ đồng. (giai đoạn 2011 – 2015 là 238,2 tỷ đồng); (giai đoạn 2016 – 2019 là 218,9 tỷ đồng). Đến nay, không còn phòng học tạm bợ, không có lớp học ca 3, các xã đều có trường học từ Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và các trường học đều nằm ở trung tâm xã tạo điều kiện thuận lợi cho con em đến trường. Tất cả 41/41 trường công lập đều có cơ sở vật chất đạt chuẩn chiếm tỷ lệ 100% (tăng 21 trường so với năm 2011), trong đó có 34/41 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I đạt tỷ lệ 82,9% gồm (MN: 12/14; Tiểu học: 13/17; THCS: 09/10) và có 03/41 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II chiếm tỷ lệ 7,3% (02 trường MN, 01 trường TH).

e. Cơ sở vật chất văn hóa: (11/11 xã giữ vững tiêu chí).

Trung tâm văn hóa xã

- Tính đến nay, toàn huyện có 11/11 xã đã xây dựng Trung tâm Văn hóa, đạt tỷ lệ 100%. Tất cả các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đều xây dựng đạt chuẩn theo Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hoá - Thể thao xã.

Nhà văn hóa ấp

- Hiện nay trên địa bàn huyện có 57 ấp thuộc 11 xã (trong đó có 06 ấp thuộc diện di dời dân không đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gồm: xã Mã Đà 05 ấp, xã Hiếu Liêm 01 ấp). Hiện có 46/51 nhà văn hoá ấp đã xây dựng đạt chuẩn và đang hoạt động, đạt tỷ lệ 90,19%. tổng kinh phí xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa ấp là 19,5 tỷ đồng. Các ấp chưa xây dựng Nhà văn hóa đều có quy chế phối hợp để sinh hoạt chung với Trung tâm VH-TT-HTCĐ. Đây vừa là trụ sở làm việc của các Ban ấp, vừa là nơi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, nơi vui chơi sinh hoạt văn hoá tinh thần chung của nhân dân trong ấp. Về cơ bản các nhà văn hoá ấp đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hoá tinh thần của các tầng lớp nhân dân tại địa phương.

Thiết chế văn hóa trên địa bàn huyện cơ bản đảm bảo các tiêu chí về trang thiết bị, bộ máy tổ chức hoạt động đã góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt, tập luyện văn hóa, văn nghệ, thể thao của nhân dân.

f. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: (11/11 xã giữ vững tiêu chí).

- Đến năm 2017, huyện Vĩnh Cửu có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng dân cư trên địa bàn, cụ thể: Từ năm 2011 đến nay, trên địa bàn các xã đã đầu tư xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa 09 chợ nông thôn tại 9 xã. Trong đó có 02 chợ hạng II và 07 chợ hạng III. Hệ thống chợ trên địa bàn các xã luôn đảm bảo phục vụ cho việc kinh doanh, buôn bán của người dân nông thôn. Riêng 02 xã Trị An, Bình Hòa đạt tiêu chí số 7 về cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

- Tổng kinh phí thực hiện đầu tư Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn từ năm 2011 – 2019 khoảng 26,323 tỷ đồng. Trong đó, nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (tỉnh, huyện) và viện trợ (dự án LIFSAP) là 8,628 tỷ đồng, nguồn xã hội hóa là 17,694 tỷ đồng.

g. Thông tin và truyền thông: (11/11 xã giữ vững tiêu chí).

Hiện nay trên địa bàn huyện có 01 Đài truyền thanh huyện, 12 đài truyền thanh xã, thị trấn gồm 360 cụm loa (mỗi cụm 02 loa) trên toàn địa bàn. Nhìn chung, hệ thống loa đài đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thu, phát sóng phục vụ yêu cầu tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của huyện. Huyện có 01 Bưu điện huyện, 09 điểm Bưu điện văn hóa xã và 03 Bưu cục phục vụ tốt các nhu cầu về bưu chính của nhân dân.

Trên địa bàn huyện hiện có 03 doanh nghiệp viễn thông, 99 trạm BTS. Ngành viễn thông hiện nay đang phát triển mạnh với việc cung cấp dịch vụ MegaVN, các đường truyền ADSL... đáp ứng được nhu cầu sử dụng của nhân dân và đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc được thông suốt. Các ấp trên địa bàn huyện đều có internet, các đại lý kinh doanh internet, điện thoại, đạt tỷ lệ 100%.

Từ năm 2012 đến nay, UBND huyện đã tập trung đầu tư trang thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính và quản lý văn bản nhằm đảm bảo phục vụ công tác quản lý và điều hành. Đồng thời, đã triển khai thực hiện hệ thống một cửa, một cửa liên thông hiện đại cấp huyện và cấp xã nhằm phục vụ nhân dân. Các điểm thông tin khoa học công nghệ đã duy trì hoạt động tốt, có hiệu quả, mỗi tuần cung cấp tối thiểu 4 lượt thông tin khoa học cho người dân; mỗi tháng cập nhật tối thiểu 16 tin hoạt động của địa phương lên website do Điểm TT.KHCN quản lý; hàng tháng phát trên đài phát thanh trên 10 tin về hoạt động KH&CN; mỗi năm chiếu phim KHCN tối thiểu 4 lần phục vụ người dân với những nội dung đáp ứng được thực tế nhu cầu; thực hiện chế độ báo cáo theo đúng thời gian quy định.

Kinh phí thực hiện khoảng 3,176 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh là 2,223 tỷ đồng; ngân sách huyện 0,953 tỷ đồng.

h. Nhà ở dân cư: (11/11 xã giữ vững tiêu chí).

Tính đến tháng 1/2017 toàn huyện đã hoàn thành việc xoá nhà tạm, nhà dột nát. Nhà ở dân cư nông thôn trên địa bàn hầu hết đều được chỉnh trang xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và mức độ thụ hưởng của người dân.

Trong giai đoạn 2011-2019, các hộ gia đình đã đầu tư xây dựng mới nhà ở 6.589 căn nhà, sửa chữa chỉnh trang khoảng 20.000 căn nhà đảm bảo “03 cứng”, diện tích nhà ở đạt từ 14m²/người trở lên để đảm bảo an toàn, bền vững, mỹ quan, phù hợp với điều kiện tự nhiên. Tổng số nhà đạt chuẩn của Bộ Xây dựng trên địa bàn là 39.687/40.088 căn nhà, đạt tỷ lệ 99%, (tăng 32,5% so với năm 2011).

2.3 Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:

a. Phát triển sản xuất trên lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản: Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tiếp tục phát triển theo đúng định hướng, sản xuất theo quy mô hàng hóa; giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2018 đạt khoảng 141,2 triệu đồng/ha/năm, tăng 56,3% so với năm 2011(năm 2011 đạt 90,3 triệu đồng/ha/năm); thu nhập bình quân đầu người tăng lên đáng kể: năm 2018 đạt 60,3 triệu đồng/người/năm. Ước năm 2019 đạt 64,6 triệu đồng/người/năm tăng 3,15 lần so với năm 2011 (năm 2011 là 20,5 triệu đồng/người/năm).

+ **Về trồng trọt:** Được phát triển theo đúng định hướng, công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, luân canh các loại cây hoa màu, bắp, đậu với các vụ sản xuất lúa được triển khai thực hiện tích cực, mang lại hiệu quả thiết thực, tăng thu nhập cho người nông dân. Cơ cấu cây trồng được tập trung chuyển đổi sang những loại cây chủ lực, hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với quy hoạch sản xuất nông nghiệp của địa phương như: cây xoài (3.019 ha), bưởi (1.169 ha), cam, quýt (378 ha)... Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đến năm 2018 là 141,2 triệu đồng/ha, tăng 56,3% so với năm 2011, cá biệt có một số loại cây trồng có giá trị thu nhập từ 800 – 2.000 triệu đồng/ha/năm điển hình như cây bưởi và cam, quýt...

- Xây dựng phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả:

Thông qua công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ kinh phí, tập huấn khoa học kỹ thuật, hội thảo, tham quan học tập kinh nghiệm mô hình tại các địa phương khác, trên địa các xã đã hình thành được nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao, cụ thể:

Mô hình trồng cam: Thu nhập bình quân/ha khoảng 1,2 tỷ đồng, lợi nhuận bình quân/ha khoảng 900 triệu đồng.

Mô hình trồng quýt đường: Thu nhập bình quân/ha khoảng 900 triệu đồng, lợi nhuận bình quân/ha khoảng 600 triệu đồng.

Mô hình trồng hoa lan: Thu nhập bình quân/ha khoảng 300 triệu đồng, lợi nhuận bình quân/ha khoảng 240 triệu đồng.

Mô hình trồng rau an toàn: Thu nhập bình quân/ha khoảng 200 triệu đồng, lợi nhuận bình quân/ha khoảng 100 triệu đồng.

Mô hình trồng chanh: Thu nhập bình quân/ha khoảng 180 triệu đồng, lợi nhuận bình quân/ha khoảng 135 triệu đồng...

- **Xây dựng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP:** Đã xây dựng được 02 vùng sản xuất cây chủ lực theo tiêu chuẩn VietGAP: sản xuất bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Tân Bình với tổng diện tích 21ha gồm 45 hộ, sản lượng 240 tấn, chiếm 1,8% diện tích bưởi trên địa bàn huyện và Vùng sản xuất xoài theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Phú Lý với tổng diện tích 32,45 ha gồm 18 hộ, sản lượng 640 tấn, chiếm 1,07% diện tích xoài trên địa bàn huyện, diện tích xoài và bưởi thực hiện VietGap so với 2011 không tăng. Hiện nay huyện đã phê duyệt kế hoạch thực hiện thêm 30 ha bưởi VietGap tại HTX Bình Lợi.

- **Xây dựng cánh đồng lúa chất lượng cao:** Để nâng cao thu nhập của người nông dân trồng lúa, trong những năm qua, UBND huyện hỗ trợ nông dân trồng lúa trên địa bàn các xã Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi, Thiện Tân, Tân An, xây dựng cánh đồng lúa chất lượng cao với quy mô 1.300ha trên cơ sở áp dụng đồng bộ về tiến bộ KHKT, giống, quy trình sản xuất, thu hoạch đã góp phần thay đổi tập quán canh tác, giảm chi phí sản xuất, tạo ra sản phẩm hàng hóa lớn, nâng cao thu nhập nông dân.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp:

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng giá trị và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp, nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp chủ lực, thời gian qua, các xã xây dựng và triển khai Chương trình phát triển cây trồng vật nuôi chủ lực, xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, hỗ trợ nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp điểm (mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả) trên địa bàn huyện.

Từ năm 2011 đến năm 2019, trên cơ sở hỗ trợ của huyện xây dựng và phát triển mô hình ở các loại cây trồng chủ lực (cây xoài và cây bưởi, rau nhà lưới); tất cả các mô hình đều được hỗ trợ vật tư nông nghiệp, ứng dụng hệ thống tưới nước và bón phân qua đường ống; các mô hình được cơ quan thẩm quyền, đánh giá là mô hình sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đến nay, tổng diện tích tưới tiết kiệm (tưới nước và bón phân qua đường ống) trên tất cả các loại cây trồng trên địa bàn huyện là 1.548ha. Việc ứng dụng hệ thống tưới nước và bón phân qua đường ống đã mang lại hiệu quả thiết thực cho người nông dân: Tiết kiệm chi phí sản xuất (tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, nhân công...), cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, ít sâu bệnh phá hại, rút ngắn thời gian kiến thiết cơ bản, bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, năng suất cây trồng trung bình tăng 25%, chất lượng, giá bán nông sản cao và ổn định hơn; thu nhập của người nông dân tăng trung bình từ 15-25% so với sản xuất truyền thống.

Các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất, xử lý ra hoa trái vụ, rải vụ trên các loại cây trồng để đảm bảo cung ứng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường theo mùa vụ khác nhau trong năm, góp phần nâng cao thu nhập của người dân (chủ yếu tập trung trên các loại cây trồng chủ lực của huyện như xoài, bưởi, cam, quýt...).

+ Về chăn nuôi:

Với lợi thế có nguồn nguyên liệu dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn, các xã đã từng bước tái cơ cấu ngành theo hướng chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại. Hiện trên địa bàn các xã có 214 trang trại chăn nuôi tăng 120 trang trại so với năm 2011, tổng vốn đầu tư trung bình trên 2 tỷ đồng/trang trại, trong đó có 50 trang trại gia cầm và 164 trang trại gia súc. Đã có nhiều trang trại chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, xử lý, kiểm soát và sử dụng có hiệu quả chất thải chăn nuôi, khẳng định hướng phát triển lâu dài và ổn định. Đến năm 2019, quy mô đàn gia súc, gia cầm cụ thể như sau:

- Bò: 5.344 con, tăng 4,1% so với năm 2011 (5.133 con);
- Heo: 225.764 con, tăng 106% so với năm 2011(109.550 con);
- Gà: 921.659 con, tăng 86,85% so với năm 2011(493.254 con);
- Cút: 448.500 con, tăng 54,25% so với năm 2011(290.750 con).

Tuy nhiên trong thời gian qua do tình hình dịch tả lợn châu phi xảy ra trên địa bàn huyện, đã làm ảnh hưởng đến tổng đàn heo hiện có của huyện do phải xử lý tiêu hủy, đến thời điểm 30/6/2019 số lượng heo bị tiêu hủy khoảng 25.000 con, giảm khoảng 11% so với tổng đàn. Hiện tại huyện đang tập trung xử lý nhằm chặn đứng tình trạng lây lan trên diện rộng làm thiệt hại cho người chăn nuôi heo.

Bên cạnh 02 loại vật nuôi chủ lực là heo, gà được sử dụng giống mới, được chăm sóc, phòng bệnh theo quy trình kỹ thuật, đã được khẳng định giá trị kinh tế trong nhiều năm qua, nông dân đã xây dựng các trại chăn nuôi có quy mô phát triển ổn định, mang lại nguồn thu nhập cao cho người nông dân như mô hình chăn nuôi hươu nai, với quy mô đàn khoảng 2.000 con/năm, tập trung chủ yếu trên địa bàn xã Hiếu Liêm với quy mô đàn 1.750 con (chiếm 87,5% tổng đàn trên địa bàn huyện); nhiều trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm truyền thống áp dụng phương thức chăn nuôi chuồng lạnh đảm bảo hạn chế dịch bệnh, nâng cao hiệu quả trong quá trình chăn nuôi. Ngoài ra, trên địa bàn huyện có 03 điểm giết mổ tập trung, các điểm giết mổ đều được kiểm soát thú y và kiểm tra giám sát chặt chẽ của Đội kiểm tra liên ngành cấp huyện và địa phương nên công tác kiểm soát giết mổ đã cơ bản đảm bảo an toàn thực phẩm trong giết mổ và lưu thông.

+ Về lâm nghiệp: Công tác PCCCR và QLVR được quan tâm, thực hiện tốt. Số diện tích đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả, đất trống đồi núi trọc được người dân chuyển sang trồng rừng sản xuất mang lại hiệu quả cao, giá trị sản xuất tăng 30% so năm 2011. Tổng diện tích rừng là 69.143,31 (trong đó, diện tích rừng tự nhiên: 61.977,35ha, diện tích rừng trồng là 7.165,96ha); tỷ lệ che phủ rừng luôn được duy trì và giữ vững từ 63,10% trở lên, tỷ lệ che phủ cây xanh trên 65%.

+ Về thủy sản:

Vĩnh Cửu là một trong các địa phương có diện tích nuôi trồng thủy sản thuộc diện lớn của tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích ao nuôi ước khoảng 805ha/1.500 hộ nuôi, tập trung chủ yếu tại các xã Vĩnh Tân (340ha) Tân An (140ha), Thiện Tân (60ha), TT Vĩnh An (146ha) và 32,442ha diện tích nuôi trên lòng hồ Trị An, có khoảng 142 lồng bè chủ yếu tập trung tại xã Mã Đà và TT Vĩnh An. Ngoài ra, huyện Vĩnh Cửu còn có 02 hồ chứa nuôi cá mặt nước lớn là: Hồ Mo Nang với diện tích 28 ha, Hồ Bà Hào với diện tích 397ha. Sản lượng thủy sản từ ao, lồng, bè nuôi trồng và sản lượng khai thác tự nhiên ổn định, ngành thủy sản đã có bước phát triển nhanh về giá trị sản xuất, năm 2011 giá trị 85 tỷ đồng, ước 2019 đạt 140 tỷ đồng tăng 64,7%. Gắn với phát triển du lịch, các hồ trên địa bàn được định hướng đưa vào khai thác trong tuyến du lịch sinh thái, góp phần vừa nâng cao hiệu quả hoạt động thủy sản vừa tác động mở rộng đối với hoạt động du lịch (Hồ Trị An được chính phủ phê duyệt là điểm du lịch quốc gia).

b. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

+ Về công nghiệp - TTCN:

Sản xuất công nghiệp - TTCN trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu trong những năm qua đạt được kết quả tích cực với mức tăng trưởng hàng năm bình quân trên 10%, góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế của huyện nói chung cũng như hỗ trợ trở lại đối với sự phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, nhất là trong chế biến và chuyển dịch cơ cấu lao động (Lực lượng lao động tham gia vào lĩnh vực công nghiệp - TTCN ngày càng cao); ổn định và nâng cao hơn đối với đời sống của người dân nông thôn.

Hiện tại, trên địa bàn huyện có 01 khu công nghiệp, 06 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 518,8 ha và 01 cụm nghề đúc gang với quy mô 4,82 ha, thu hút 77 doanh nghiệp đăng ký sản xuất kinh doanh, với tổng vốn đầu tư trên 800 tỷ đồng, trong đó: có 64 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động, 13 doanh nghiệp hiện đang trong quá trình xây dựng và hoàn tất hồ sơ pháp lý và thu hút được hơn 35.370 lao động.

+ Phát triển thương mại - dịch vụ:

Toàn huyện có khoảng 588 doanh nghiệp thương mại và dịch vụ, 11.360 hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động trên địa bàn, giá trị sản xuất ngành dịch vụ đạt mức tăng trưởng bình quân 14,4%/năm giai đoạn năm (2011-2019). Thị trường hàng hoá trên địa bàn huyện rất phong phú và đa dạng, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân. Hiện trên địa bàn huyện có 11 chợ đạt chuẩn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng dân cư trên địa bàn; tổ chức tốt: Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, các hình thức chợ phiên, “Hàng Việt về nông thôn”; “Tuần hàng Việt Nam”; “Phiên chợ công nhân”... Hoạt động du lịch đã hình thành được một số điểm du lịch sinh thái như: Làng Bưởi Tân Triều, Khu du lịch Đảo Ó - Đồng Trường, điểm du lịch sinh thái Cao Minh...

+ **Về hoạt động tín dụng:** Hoạt động tín dụng, ngân hàng phát triển mạnh, nhiều loại hình dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu của người dân, các tổ chức xã hội và doanh nghiệp. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 11 Ngân hàng và Quỹ tín dụng hoạt động, đã đầu tư phục vụ tốt theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tỷ lệ huy động vốn các ngân hàng tăng bình quân giai đoạn 2011-2019 là 20 - 25%/năm. Riêng Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn doanh số cho vay hàng năm trên 1.500 tỷ đồng, tập trung cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh và các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ sản xuất nông nghiệp...

2.4. Công tác giảm nghèo: (11/11 xã giữ vững tiêu chí).

Trong những năm qua Chương trình giảm nghèo bền vững của huyện được xây dựng trên nền tảng Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của cả nước, của tỉnh. Giai đoạn (2011-2019) thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững, toàn huyện đã giảm đáng kể hộ nghèo. Vị trí và đời sống của người nghèo đã được nâng lên từng bước. Chương trình giảm nghèo bền vững do Đảng phát động đã chứng tỏ là một chủ trương mang tính xã hội và nhân văn cao, khơi dậy và làm phong phú thêm truyền thống nhân đạo của dân tộc. Cũng chính từ chương trình này, tình cảm trong cộng đồng dân cư được gắn bó sâu sắc, góp phần tích cực giữ vững ổn định kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn. Đầu năm 2019, thực hiện Nghị quyết số 118/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2018-2020, toàn huyện có 121 hộ hộ nghèo A chiếm tỷ lệ 0.3% so với tổng số hộ dân. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 7,6% đầu năm 2011 xuống còn 0,3 % vào tháng 6 năm 2019.

2.5. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm (14/14 xã giữ vững tiêu chí):

Năm 2010 số lao động qua đào tạo của huyện là: 30.398 người, chiếm tỷ lệ 34,69% so dân số trong độ tuổi lao động. Qua 10 năm thực hiện, Chương trình dạy nghề lao động nông thôn của huyện đã đào tạo 32.510 lao động với các ngành nghề đào tạo như: kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng bưởi và các loại cây trồng chủ lực khác, may công nghiệp, nuôi trồng thủy sản... Hiện nay toàn huyện có 62.908/96.619 lao động qua đào tạo, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 34,69% năm 2011 lên 65,1% năm 2019.

Lao động trong độ tuổi trên địa bàn huyện tăng từ 87.625 người năm 2011 tăng lên 96.619 người năm 2019; Cơ cấu lao động từng bước có sự chuyển dịch từ lao động nông lâm ngư nghiệp sang lao động công nghiệp - xây dựng. Với cơ cấu lao động như hiện nay thì số lao động được thu hút vào làm việc ở khu vực công nghiệp- xây dựng ngày càng tăng, chiếm tỉ lệ cao. Lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp 19.509 người tỷ lệ 21%; thương mại-dịch vụ-du lịch 18.580 người tỷ lệ 20 %; công nghiệp - xây dựng, GTVT là: 54.812 lao động, chiếm tỷ lệ 58,2%.

- Từ 2011 – 2019, toàn huyện giải quyết việc làm cho 21.389 lượt người,

trong đó lao động làm nghề nông nghiệp là: 6.511 người, thương mại - dịch vụ: 4.003 người, vào làm việc tại các doanh nghiệp và cơ sở tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện là: 10.875 người.

- Chương trình vay vốn giải quyết việc làm tại chỗ đã hỗ trợ giải quyết: 5.146 lao động, với tổng số tiền vay trên 66,5 tỷ đồng từ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện, tập trung chủ yếu là số lao động làm trong lĩnh vực nông nghiệp như chăn nuôi bò, gà, dê, cá, trồng rau an toàn. Số lao động đang làm việc trên địa bàn huyện tăng từ 71.529 người năm 2011 lên 88.567 người năm 2019.

- Nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn từ 81,2 % năm 2011 lên 97,5% năm 2019.

2.6. Hình thức tổ chức sản xuất (11/11 xã giữ vững tiêu chí)

Đến thời điểm hiện tại 100% Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn đều hoạt động đúng theo luật HTX năm 2012, trong đó: có 60% HTX hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả, 20% HTX hoạt động kinh doanh đạt mức trung bình và 20% HTX mới được thành lập đang triển khai phương án sản xuất kinh doanh. Hầu hết các hợp tác xã, tổ hợp tác chuyên canh các loại cây trồng chủ lực đang tập trung thực hiện quy trình sản xuất theo mô hình VietGAP, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành chuỗi liên kết sản xuất để giải quyết đầu ra cho nông sản tại các thị trường trong nước và xuất khẩu. Đặc biệt trong thời gian qua các HTX trên địa bàn đều được ký hợp đồng tiêu thụ nông sản với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh như: Doanh nghiệp Hương Miền Tây tại Bến Tre, Công ty Cổ phần Nam Châu Sơn, Chợ Đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây... từ đó tình hình hoạt động của các HTX ngày càng ổn định và hiệu quả hơn.

2.7. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

a. Về giáo dục: (11/11 xã giữ vững tiêu chí)

Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn quốc gia của 11/11 xã về phổ cập giáo dục Mầm non trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Chất lượng giáo dục học sinh các cấp được duy trì ổn định. Tỷ lệ học sinh có học lực khá, giỏi và học sinh tốt nghiệp THCS, THPT hàng năm đều vượt chỉ tiêu đề ra. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy cho đội ngũ quản lý và giáo viên; từng bước tiếp cận, sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập. Tất cả các trường đều thực hiện kết nối internet phục vụ công tác quản lý và dạy học.

Kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 05 tuổi, Xóa mù chữ và chống tái mù chữ, phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi, thực hiện phổ cập giáo dục Trung học cơ sở 11/11/xã, tỉ lệ 100%. Tỉ lệ tốt nghiệp THCS tiếp tục học phổ thông (phổ thông, bổ túc, học nghề) 1.917/1.964 đạt tỉ lệ 97,6% (tăng 4,3% so với năm 2011).

b. Về y tế:

Các chương trình mục tiêu về Y tế - Dân số ngày càng được quan tâm đầu tư: trạm y tế các xã đều được xây mới, hoặc nâng cấp, sửa chữa mở rộng, mua sắm bổ sung trang thiết bị thiết yếu như: máy siêu âm, máy đo điện tim, máy xét nghiệm sinh hóa, huyết học, máy xét nghiệm nước tiểu và trang thiết bị khám chữa bệnh y học cổ truyền...đạt chuẩn theo quy định và 11/11 xã đều có bác sỹ khám chữa bệnh.Tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên địa bàn huyện đạt: 85,32% so với 2011 tăng 63,32% (2011 là 22%). Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng được triển khai thực hiện với nhiều biện pháp đồng bộ có hiệu quả, hàng năm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 1% đến 2% so với năm trước, chương trình bảo vệ bà mẹ trẻ em và kế hoạch hóa gia đình luôn được quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và sự tham gia của các ban ngành, đoàn thể địa phương, đạt kết quả tích cực; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm đều đạt dưới 1%. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi chiều cao theo tuổi là 10,20%, giảm 2,92% so với năm 2011.

c. Về văn hóa:

Để tạo được sự đồng thuận và nâng cao nhận thức cho người dân, công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh, triển khai đến từng ấp, từng hộ gia đình bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Ngoài ra, hàng năm BCĐ công tác gia đình huyện tham mưu UBND huyện tổ chức các hoạt động VHVN-TDĐT, nói chuyện chuyên đề nhân dịp kỷ niệm ngày Gia đình Việt Nam 28/6, tạo sân chơi lành mạnh để các gia đình văn hóa có điều kiện giao lưu, học hỏi và trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau trong việc xây dựng và giữ gìn hạnh phúc.Trên địa bàn các xã đã thành lập được 03 Câu lạc bộ “Nam giới nói không với bạo lực gia đình”, 38 câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, 57/57 ấp có nhóm phòng chống bạo lực gia đình, 158 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng (trong đó có 11 Trạm Y tế của 11 xã là điểm tạm lánh) và các mô hình trên đang được nhân rộng.Thông qua các hoạt động tuyên truyền vận động nhân dân sống, làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật; thực hiện nếp sống văn minh, lành mạnh, chống tệ nạn xã hội, tích cực hưởng ứng và thực hiện đạt hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”: có 57/57 ấp đạt chuẩn và giữ vững ấp văn hóa (đạt tỷ lệ 100%). Tính đến nay, tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa trên địa bàn huyện đạt 99,23% tăng 1,73 % so với năm 2011.

Một trong những kết quả nổi bật về văn hóa đã gắn kết hoạt động của khu quần thể di tích lịch sử Trung ương cục Miền Nam, Khu ủy miền Đông với hoạt động văn hóa đã hình thành tuyến du lịch về nguồn mang ý nghĩa lớn trong giáo dục lịch sử tới các thế hệ hiện tại và tương lai, tuyến du lịch đã thu hút được nhiều du khách tới tham quan.

d. Về môi trường: (11/11 xã giữ vững tiêu chí)

Được các xã quan tâm chú trọng đầu tư hệ thống cấp nước sạch tập trung nhằm phục vụ tốt nhu cầu người dân. Ngoài việc sử dụng nước từ 06 hệ thống cấp nước tập trung hiện có và 03 trạm đang triển khai thi công, bên cạnh đó còn có nhiều hộ gia đình đã tự lắp đặt và sử dụng hệ thống lọc nước của các hãng

Kangaroo, Việt Úc, cũng như các đối tượng hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc... được hưởng chính sách hỗ trợ kinh phí lắp đặt hệ thống lọc nước gia đình để sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của dân cư trên địa bàn các xã. Các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Hàng năm, vào các dịp phát động về môi trường UBND huyện và các xã đều tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường; phối hợp với các đoàn thể phát động các phong trào như: Trồng cây gây rừng, làm vệ sinh môi trường, khơi thông dòng chảy, nạo vét ao hồ, kênh mương nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, được nhân dân hưởng ứng nhiệt tình.

Đài truyền thanh các xã thường xuyên phát các trương trình tuyên truyền về vấn đề bảo vệ môi trường, phổ biến kinh nghiệm ứng phó khí hậu, quản lý tài nguyên, giảm chất thải ô nhiễm do sản xuất và chăn nuôi gây ra. Phối hợp với các đoàn thể như: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên phát động các phong trào trồng cây gây rừng, chống xói mòn, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc và bảo vệ cảnh quan môi trường xanh – sạch - đẹp. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom xử lý theo quy định. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các xã đạt 99%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải y tế đạt 100%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và nguy hại đạt 100%.

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Huyện đã tổ chức thực hiện tốt các quy định của pháp luật về ATTP đối với nông sản, thủy sản trên địa bàn huyện, trước hết là các sản phẩm chủ lực, lợi thế, sản phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người dân, trong suốt quá trình sản xuất từ khâu trồng trọt, chăn nuôi, thu hoạch, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản đến khi sản phẩm được đưa ra thị trường trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng, yêu cầu hội nhập trong tình hình mới. Biểu dương khen thưởng kịp thời các cá nhân, tổ chức có thành tích tốt trong công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, nhất là những cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin về sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản không an toàn; nhân rộng các điển hình tiên tiến ra cộng đồng.

Nhìn chung thời gian qua công tác kiểm tra hoạt động của các cơ sở sản xuất, chăn nuôi được các địa phương thực hiện thường xuyên, những trường hợp vi phạm đều bị xử lý kịp thời và đúng theo quy định của pháp luật. Qua đó tình hình thực hiện các chỉ tiêu về môi trường đã có nhiều chuyển biến tích cực với kết quả cụ thể như sau:

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 02/BYT đạt 71,88% (tăng 33,57% so với năm 2011) và nước hợp vệ sinh đạt 100% tăng 11,88% so với năm 2011.

- Tỷ lệ cơ sở SXKD nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100% tăng 27,64% so với năm 2011.

- Xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp – an toàn, đạt tỷ lệ 100% số xã trên địa bàn huyện.

- Mai táng phù hợp quy định và theo quy hoạch .

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở SXKD được thu gom và xử lý theo quy định, cụ thể: tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện đạt 99%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải y tế đạt 100%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và nguy hại đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 98,03%.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 100%, tăng 26,8% so với năm 2011.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đạt 100% so với năm 2011 tăng 28,25%.

2.8. Xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội: (11/11 xã giữ vững tiêu chí)

a) Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh:

***Cán bộ đạt chuẩn:**

+ Đối với Chuyên trách:

- Trình độ học vấn: THPT năm 2019 là: 121/122 người, (chiếm 99,1%) tăng 10,3% so với năm 2010 là 104/117 người (88,88%).

- Trình độ chuyên môn từ Cao đẳng trở lên theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của Tỉnh Đồng Nai năm 2019 là: 99/122 người, (chiếm 81,1%) tăng 56,4% so với năm 2010 là 29/117 người (24,7%).

- Trình độ chính trị từ Trung cấp trở lên theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của Tỉnh Đồng Nai năm 2019 là: 117/122 người, (chiếm 95,6%) tăng 26,4% so với năm 2010 là 81/117 người (69,2%).

- Bồi dưỡng QLNN theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của Tỉnh Đồng Nai năm 2019 là: 105/122 người, (chiếm 86,0%) tăng 63,7% so với năm 2010 là 26/117 người (22,22%).

- Bồi dưỡng AN-QP theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của Tỉnh Đồng Nai năm 2019 là: 120/122 người, (chiếm 98,3%) tăng 2,6% so với năm 2010 là 112/117 người (95,7%).

+ Đối với Công chức:

- Trình độ chuyên môn từ Cao đẳng trở lên theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của Tỉnh Đồng Nai năm 2019 là: 100/118 người, (chiếm 84,7%) tăng 64,5% so với năm 2010 là 19/94 người (20,2%).

- Trình độ chính trị từ Trung cấp trở lên theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của Tỉnh Đồng Nai năm 2019 là: 110/118 người, (chiếm 93,2%) tăng 51,2% so với năm 2010 là 37/94 người (39,3%).

- Bồi dưỡng QLNN theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của Tỉnh Đồng Nai năm 2019 là: 108/118 người, (chiếm 91,5%) tăng 83% so với năm 2010 là 8/94 người (8.5%).

- Bồi dưỡng AN-QP theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của Tỉnh Đồng Nai năm 2019 là: 111/118 người, (chiếm 94,0%) tăng 41.3% so với năm 2010 là 60/94 người (95.7%) tăng 53,1%.

Qua so sánh về trình độ học vấn, chuyên môn, chính trị và bồi dưỡng cho thấy từ năm 2010 đến nay trình độ cán bộ công chức cấp xã được tăng lên khá cao, đảm bảo về số lượng cũng như chất lượng đối với cán bộ công chức cấp xã.

Công tác đào tạo - bồi dưỡng được quan tâm và chú trọng, hàng năm UBND huyện xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức nhằm chuẩn hóa trình độ chuyên môn, chính trị, củng cố nguồn nhân lực và hoàn thiện bộ máy các cơ quan, đơn vị, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ thực tế tại địa phương. Bên cạnh đó, UBND huyện cử các cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

b. Xây dựng đội ngũ nòng cốt: Các đoàn thể đã xây dựng đội ngũ nòng cốt trong các phong trào thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng theo quy định, cụ thể như sau:

Hội viên nòng cốt của Hội phụ nữ là 11.358/21.546 hội viên, đạt 52,71%.

Đoàn viên TNCS HCM nòng cốt là 2.411/4.688 đoàn viên, đạt 54,42%.

Hội viên nòng cốt của Hội nông dân là 4.427/8.070 hội viên, đạt 54,8%.

Hội viên nòng cốt của Hội Cựu Chiến binh là 1.089/1.859 hội viên, đạt 58,5%

2.9. Về giữ gìn An ninh trật tự xã hội:

a. Công tác Quốc phòng:

Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Ban CHQS các xã đã làm tốt vai trò, chức năng tham mưu cho Đảng ủy, UBND các xã trong việc tổ chức, quán triệt, triển khai các Nghị quyết, Chỉ thị, Nghị định của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng và các cấp. Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt nhiệm vụ QS-QP địa phương. Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ đạt 100% chỉ tiêu trên giao, chất lượng lãnh đạo lực lượng DQTV và độ tin cậy về chính trị ngày được nâng cao, hoàn thành chương trình huấn luyện theo chỉ tiêu trên giao. Hàng năm, đều hoàn thành

100% chỉ tiêu giao quân ở cả hai cấp huyện và xã, tỷ lệ động viên nhập ngũ hàng năm đều vượt chỉ tiêu trên giao. Hoàn thành cơ bản nhiệm vụ cử cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho các đối tượng trên địa bàn các xã.

Ban CHQS các xã tiếp tục, phối hợp chặt chẽ với Công an các xã theo Nghị định 77, Nghị định 133 của Chính phủ; tổ chức tuần tra, kiểm tra làm trong sạch địa bàn giữ vững ổn định ANCT-TTATXH trên địa bàn các xã trong các ngày cao điểm, lễ, tết trong năm đạt hiệu quả thiết thực.

Đối với công tác sẵn sàng chiến đấu, Ban CHQS các xã đã tăng cường công tác nắm chắc tình hình địa bàn và duy trì tốt các chế độ trực, lực lượng trực ở đơn vị. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác xây dựng lực lượng quân báo trình sát với việc tổ chức lực lượng dân quân nắm hộ dân để từ đó phối hợp với các ngành chức năng của các xã, nắm chắc tình hình ANCT-TTATXH trên địa bàn các xã, kịp thời tham mưu cho cấp uỷ - chính quyền địa phương trong xử trí các tình huống kịp thời, chính xác, không để xảy ra bất ngờ, bị động. Ngoài ra, hàng năm lực lượng vũ trang các xã còn tổ chức lực lượng và phương tiện sẵn sàng ứng phó có hiệu quả với các tình huống thiên tai bão lụt xảy ra trên địa bàn các xã theo yêu cầu nhiệm vụ được giao.

b. Công tác An ninh:

Để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã đạt hiệu quả, hàng năm Đảng uỷ các xã có Nghị quyết, UBND các xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc. Thực hiện Nghị quyết của Đảng uỷ và Kế hoạch của UBND các xã, Công an các xã đã chủ động xây dựng chương trình công tác năm nhằm cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng uỷ và kế hoạch của UBND các xã. Đồng thời, triển khai thực hiện đầy đủ các chương trình, kế hoạch của Công an tỉnh, Công an huyện về việc đảm bảo ANCT và TTATXH trên từng địa bàn.

Phối hợp với công an huyện tổ chức tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ chiến sĩ và quần chúng, nhân dân trên địa bàn các xã nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác giữ gìn ANTT, ATXH để từ đó góp phần quan trọng cho việc thực hiện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới tại các địa phương. Từ đó, tình hình an ninh trật tự xã hội được đảm bảo, ổn định, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác trên địa bàn đã được kiềm chế kéo giảm.

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới:

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:

Quy hoạch vùng huyện Vĩnh Cửu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 của UBND huyện Vĩnh Cửu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 21/02/2018.

Ngoài các quy hoạch theo yêu cầu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành lập Quy hoạch sản xuất nông

nghiệp giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 3509/QĐ-UBND ngày 03/11/2014.

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:

Đường bộ:

Trên địa bàn huyện hiện hữu có 19 tuyến đường huyện quản lý với tổng chiều dài 84,2km. Trong đó, đã được thực hiện đầu tư nhựa hoá 19 tuyến, dài 84,2km, đạt tỷ lệ nhựa hoá 100%.

Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới trung tâm các xã: Tổng chiều dài các tuyến đường đến trung tâm các xã khoảng hơn 95 km (bao gồm các tuyến đường tỉnh ĐT 761; ĐT 768; ĐT 767 và đường Hiếu Liêm; Đường Hương lộ 15), đến nay 100% số xã có đường nhựa về đến trung tâm xã.

Các tuyến đường đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn, cấp kỹ thuật của đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005, cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt: Căn cứ theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054:2005, các tuyến đường huyện đều đạt cấp kỹ thuật theo tiêu chuẩn về cấp kỹ thuật của đường, cả về bề rộng mặt đường và vận tốc thiết kế.

Có 100% km đường huyện được bảo trì hàng năm: Các tuyến đường huyện quản lý hàng năm đều được thực hiện duy tu, sửa chữa hàng năm đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và đảm bảo xe ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Nguồn Kinh phí thực hiện cho việc duy tu sửa chữa các tuyến đường huyện trong giai đoạn 2011-2019 khoảng hơn 35 tỷ đồng (nguồn ngân sách huyện).

Hệ thống cầu công trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường theo quy hoạch. Trên các tuyến đường huyện hiện hữu có 07 cầu bê tông xi măng, hệ thống cầu đã được thực hiện đầu tư xây dựng bằng bê tông cốt thép kiên cố, phù hợp theo cấp kỹ thuật của đường.

Bến xe tại trung tâm huyện (thị trấn Vĩnh An) là bến xe Trị An có diện tích là 3.530m² đã đạt bến xe loại 4. Trên địa bàn huyện có 02 tuyến vận tải hành khách công cộng: tuyến xe buýt số 19 từ bến xe Trị An đến bến xe Ngã ba Trị An theo tuyến đường ĐT 767 và các tuyến 07, 08 từ bến xe Vĩnh Cửu đến Siêu thị Big C (TP Biên Hoà) và các tuyến đường trung tâm thành phố Biên Hòa trên các tuyến đã được bố trí các điểm dừng, điểm đỗ rõ ràng, phù hợp theo quy hoạch.

Đường Thủy:

Căn cứ theo Thông tư số 15/2016TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định quản lý đường thủy nội địa, theo đó trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu có 01 tuyến đường thủy nội địa quốc gia (Sông Đồng Nai). Hiện tại trên tuyến đã được cục quản lý đường thủy nội địa lắp đặt đầy đủ hệ thống báo hiệu, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông.

Nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, đảm bảo an toàn giao thông tại các bến thủy nội địa, hàng năm UBND huyện đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, xử lý hoạt động của các bến thủy nội địa trên địa bàn, kiên quyết xử lý các trường hợp bến thủy nội địa hoạt động không phép. Hiện nay, trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu có 33 bến cảng và thủy nội địa đang hoạt động phục vụ vận chuyển hàng hóa, tất cả các bến đều đảm bảo các điều kiện về an toàn và được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép hoạt động, không còn các bến thủy nội địa hoạt động không phép.

Căn cứ các Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 4927/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 về việc ban hành “ Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”. UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 1439/QĐ-UBND về thiết kế mẫu mặt đường bê tông xi măng giao thông nông thôn để khuyến khích nhân dân tự thực hiện đầu tư các tuyến đường ngõ xóm.

3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi:

Huyện đã xây dựng phương án sử dụng nguồn nước, trong đó bao gồm nguồn nước từ các công trình thủy lợi, nguồn nước từ giếng khoan, giếng đào, nguồn nước ngầm. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý, về bảo vệ an toàn các công trình thủy lợi, trong đó tập trung tuyên truyền: Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh khai thác và vận hành công trình thủy lợi, Nghị định 139/NĐ-CP ngày 22/10/2003 của Chính phủ về việc Quy định xử phạt vi phạm về khai thác, bảo vệ CTTL, đê điều, PCLB, Quyết định số 77/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định về tổ chức, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở những khu vực có nguồn nước hạn chế, đồng thời sử dụng các giống cây, con ngắn ngày có khả năng chịu hạn.

Đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi đã lập kế hoạch cung cấp nước, lịch bơm tưới cho từng cánh đồng cụ thể tại các trạm bơm, đảm bảo cung cấp đủ nước cho nhân dân sản xuất nông nghiệp. Công tác đầu tư sửa chữa các công trình thủy lợi được đặc biệt quan tâm: công trình sửa chữa sạt lở bờ sông trạm bơm Bình Hòa 2, xã Bình Hòa. Công trình thay mới đường dây hạ thế và sửa chữa trạm biến áp trạm bơm điện Bình Lợi, xã Bình Lợi; trạm bơm Trị An 1, xã Trị An. Việc đầu tư, sửa chữa kịp thời các công trình thủy lợi đã hạn chế phát sinh hư hỏng lớn, đảm bảo an toàn công trình, nâng cao hiệu quả bơm tưới phục vụ sản xuất và giúp các địa phương hoàn thành tiêu chí thủy lợi trong xây dựng Nông thôn mới.

Nhìn chung, công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu đã đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất nông nghiệp của nhân dân, góp phần giúp các địa phương hoàn thành tiêu chí thủy lợi trong xây dựng Nông thôn mới và hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ hệ thống thủy lợi các xã theo quy định. Trên địa bàn huyện hiện có trên 80% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động theo quy định cụ thể của UBND tỉnh. Toàn huyện đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu nước cho sản xuất, cho dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ.

3.4. Tiêu chí số 4 về Điện:

Hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện được thực hiện đầu tư, nâng cấp đồng bộ: đã nâng cấp và đầu tư xây dựng thêm 97,4km đường dây trung thế, đường dây hạ thế 105,1km và 75 trạm biến áp với công suất 18.210 KVA, đảm bảo cấp bán điện trực tiếp tới các hộ dân. Toàn bộ hệ thống thường xuyên được kiểm tra, rà soát các tuyến đường dây trung áp, trạm biến áp, đường dây trung hạ thế và được đầu tư, cải tạo lưới điện bằng các nguồn vốn khác nhau như: xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

Hiện nay, hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống. Hệ thống điện đã giúp cho sản xuất, đời sống của người dân thay đổi rõ nét: đào giếng, trang bị máy bơm tưới vườn, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, đầu tư các cây trồng chất lượng cao (xoài, cam, quýt, bưởi...), đầu tư cơ sở chế biến nông sản. Hoạt động sản xuất của người dân nông thôn chuyển dần sang sản xuất hàng hoá, dịch vụ, góp phần thực hiện chương trình giảm nghèo một cách có hiệu quả.

3.5. Tiêu chí số 5 về Văn hóa – Y tế - Giáo dục:

+ Về Y tế:

- Trung tâm y tế huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III:

Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu được đầu tư xây mới đưa vào sử dụng vào tháng 12/2011, Phòng khám Đa khoa khu vực Phú Lý xây mới đưa vào hoạt động năm 2010, cơ sở II Trung tâm y tế huyện được nâng cấp mở rộng năm 2013. Hầu hết các cơ sở khám, chữa bệnh sau khi được xây mới, nâng cấp mở rộng với đầy đủ các khoa, phòng, bộ phận theo đúng mô hình quy định ngành Y tế, đều được bổ sung trang thiết bị kỹ thuật y tế đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trong huyện.

Tổng số giường bệnh tuyến huyện: 300 giường, trong đó 180 giường tại cơ sở chính, Trung tâm y tế huyện, 100 giường cơ sở II Trung tâm y tế huyện, 20 giường phòng khám Đa khoa khu vực Phú Lý; đội ngũ cán bộ viên chức y tế là 318 người, hàng năm thực hiện công tác khám chữa bệnh thực hiện 278.043 lượt khám bệnh, công suất sử dụng giường bệnh đạt từ 78% đến trên 80%.

- Trung tâm Y tế đạt chuẩn quốc gia:

Trung tâm Y tế huyện được thành lập năm 2007, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về hoạt động y tế dự phòng và các chương trình mục tiêu quốc gia về Y tế đều được triển khai kịp thời và với sự hỗ trợ của các ban ngành đoàn thể trong công tác phối hợp, giúp ngành y tế triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

+ Về Văn hóa:

Trung tâm VH-TT huyện đạt chuẩn theo quy định của Thông tư 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 và Thông tư 11/2010 ngày 22/12/2010 của Bộ VH-TT &DL, cụ thể như sau:

Trung tâm được xây dựng năm 2001 với diện tích đất 15.878m², diện tích xây dựng: 1.313,78m². Thiết kế gồm 01 hội trường có sức chứa 350 chỗ ngồi, 01 khu hành chính 02 tầng. Bộ máy nhân sự gồm 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, tổng số công chức-viên chức - nhân viên là 14 người.

Căn cứ chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương, Trung tâm đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, mở các lớp năng khiếu nghệ thuật, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, thi đấu và hướng dẫn phong trào văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao ở cơ sở; phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao; sưu tầm, bảo tồn và hướng dẫn các loại hình nghệ thuật dân gian, các môn thể thao truyền thống; tổ chức các hoạt động tác nghiệp chuyên môn, các hoạt động dịch vụ văn hóa, thể thao và các hoạt động dịch vụ khác đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của tổ chức sự nghiệp, cụ thể:

Tổ chức thực hiện tốt các nội dung về lĩnh vực văn hóa như: chỉ tiêu xây dựng mới kịch bản thông tin lưu động, số buổi hoạt động thông tin lưu động, tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng cấp huyện...Hàng năm, các chỉ tiêu Trung tâm thực hiện đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao: xây dựng mới trên 02 chương trình thông tin lưu động tổ chức biểu diễn trên 50 buổi; tổ chức từ 05 - 07 hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng cấp huyện, xây dựng từ 05 - 07 chương trình văn nghệ có chủ đề, biểu diễn trên 50 buổi mỗi năm, thu hút hàng ngàn lượt người đến xem và cổ vũ; hoàn thành các chỉ tiêu được giao về làm mới pano và thay mới nội dung pano tuyên truyền đồng thời tham gia đầy đủ các hội thi, hội diễn văn nghệ do tỉnh tổ chức.

Thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, các nhiệm vụ chuyên môn do Huyện uỷ, UBND huyện giao như: tổ chức các chương trình văn hoá văn nghệ; phục vụ trang trí, âm thanh, tuyên truyền nhân dịp các sự kiện chính trị trọng đại, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của địa phương; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ nhân kỷ niệm các ngày lễ kỷ niệm của các ngành.

Hoạt động văn hoá văn nghệ quần chúng tại Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện diễn ra phong phú, đa dạng: duy trì sinh hoạt các câu lạc bộ (CLB) sở thích như: CLB tuyên truyền ca khúc cách mạng, CLB thể dục dưỡng sinh, thể dục thẩm mỹ, CLB khiêu vũ, ... phục vụ tốt nhu cầu vui chơi, giải trí, hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

Hàng năm, Trung tâm xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động kết nối với các xã trên địa bàn huyện tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ như: liên hoan đờn ca tài tử, các hoạt động mừng đảng mừng xuân, hội thi hoa phượng đỏ..., các hoạt động thể dục thể thao như: tổ chức giải cầu lông, bóng chuyền, bóng đá mini, chạy việt dã, giải lục sĩ khỏe... tạo hoạt động văn hóa, văn nghệ sôi nổi trên địa bàn huyện.

Thư viện huyện được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2006 và sửa chữa nâng cấp năm 2014, với diện tích đất 5.576m², diện tích xây dựng là 1.096,8m², có 08 phòng chức năng. Thư viện đã chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn huyện trong công tác luân chuyển sách, tài liệu, tuyên truyền giới thiệu sách góp phần quan trọng trong việc xây dựng phong trào và hình thành thói quen đọc sách báo trong nhân dân. Số sách hiện có trong thư viện là 35.272 bản đáp ứng tốt cho nhu cầu bạn đọc, hàng năm số lượt người đến thư viện khoảng 12.080 người/năm. Bình quân mỗi năm có khoảng 6.000 lượt tài liệu được luân chuyển để phục vụ trên 30.000 lượt bạn đọc tại cơ sở.

+ Về Giáo dục:

Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn ($\geq 60\%$)

Trên địa bàn huyện có 02/03 trường THPT đạt chuẩn, tỷ lệ 66,7% gồm: THPT Trị An, THPT Vĩnh Cửu. 11/11 xã có trường học đạt chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia, đạt 100%.

Tính đến thời điểm hiện tại, toàn huyện có 34/41 trường ở các xã đạt chuẩn quốc gia mức độ I, đạt tỷ lệ 82,9% gồm (MN: 12/14; Tiểu học: 13/17; THCS: 09/10) và có 03/41 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 chiếm tỷ lệ 7,3% (02 trường MN, 01 trường TH).

3.6. Tiêu chí số 6 về Sản xuất:

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng giá trị và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp, nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện thời gian qua được phát triển theo đúng định hướng, sản xuất theo quy mô hàng hóa; giá trị sản xuất nông - lâm - thủy có tốc độ tăng bình quân hàng năm là 4,19% năm, giai đoạn 2011- 2019. Trong đó: giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng bình quân hàng năm là 3,66%. Huyện đã xây dựng và triển khai các chương trình phát triển cây trồng vật nuôi chủ lực, xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp hỗ trợ nông dân xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp điểm (mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả) trên địa bàn huyện.

Giai đoạn từ 2011 đến 2019 huyện đã tập trung hỗ trợ nông dân xây dựng và phát triển các loại cây trồng chủ lực trên địa bàn như: (xoài, bưởi, cam, quýt...), các hộ nông dân tham gia mô hình được hỗ trợ vật tư nông nghiệp, ứng dụng hệ thống tưới nước và bón phân qua đường ống, qua đó đã được cơ quan thẩm quyền đánh giá là các mô hình sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao cho bà con nông dân. Gắn sản xuất nông nghiệp với phát triển du lịch, các mô hình sản xuất: bưởi Tân Triều, khu miệt vườn (xoài, cam, quýt thuộc các xã Hiếu Liêm, Mã Đà, Phú Lý...) được hình thành gắn với tuyến du lịch sinh thái trên địa bàn, đã gắn kết sản xuất với dịch vụ, vừa mở rộng khai thác tiềm năng đối với ngành du lịch vừa tạo bước đi vững chắc hơn cho ngành nông nghiệp huyện.

- Bưởi và các sản phẩm từ Bưởi đặc sản Tân Triều hiện đã được đưa vào bán tại các hệ thống siêu thị lớn như: Bic C, Coop-mart, Maximark, chợ đầu mối Dầu Giây...

Tổ chức cho các Hợp tác xã, Tổ hợp tác ký hợp đồng bao tiêu nông sản xoài, bưởi, rau với Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất để tiêu thụ nông sản vào Chợ Đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cung cấp và tiêu thụ xoài của Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ 481 Mã Đà với tổng diện tích 160 ha, sản lượng trung bình 2.400 tấn/ năm.

- Hợp đồng cung cấp và tiêu thụ bưởi da xanh của Hợp tác xã Dịch vụ - Nông nghiệp Bình Lợi với tổng diện tích 50 ha, sản lượng trung bình 750 tấn/ năm.

- Hợp đồng cung cấp và tiêu thụ rau an toàn của Tổ Hợp tác Trồng rau an toàn xã Vĩnh Tân với tổng diện tích 10 ha, sản lượng 1.050 tấn/ năm.

- Hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa giữa Hợp tác xã Nông nghiệp và Dịch vụ Tân triều với Công ty Cổ phần Nam Châu Sơn về các loại bưởi Tân triều đảm bảo quy cách, chất lượng cam kết và tiêu thụ theo số lượng thực tế.

- Hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa giữa Hợp tác xã NN-TM-DV-DL xoài Phú Lý với Công ty Cổ phần Nam Châu Sơn về tiêu thụ sản phẩm xoài.

Tiêu chí: Mô hình sản xuất liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm huyện đạt chuẩn theo hướng dẫn tại Công văn số 201/HD-SNN ngày 16/01/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn thực hiện và đánh giá các tiêu chí. Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đã thể hiện rõ vai trò chính trong việc đóng góp nguồn lực trở lại cho xây dựng nông thôn mới nói riêng và góp phần quan trọng cho việc phát triển kinh tế của huyện nói chung.

3.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường:

+ **Về triển khai thực hiện chính sách bảo vệ môi trường:** Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, trong giai đoạn 2011-2019, huyện Vĩnh Cửu đã ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản pháp lý, các chương trình, kế hoạch, cơ chế chính sách đã giúp cho công tác quản lý nhà nước về môi

trường nói chung và công tác quản lý chất thải rắn nói riêng trên địa bàn huyện đã theo đúng định hướng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu có 260 cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng phải lập thủ tục môi trường quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, các cơ sở đã lập thủ tục môi trường theo quy định.

+ **Hoàn thiện bộ máy tổ chức:** Việc kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý nhà nước đã được chú trọng, hệ thống quản lý nhà nước đã hình thành từ cấp huyện đến xã. Trên địa bàn huyện có 20 cán bộ phụ trách về lĩnh vực bảo vệ môi trường, có trình độ đại học, cao đẳng, giúp cho công tác bảo vệ môi trường của huyện đạt được kết quả ngày càng tốt hơn, trong đó: Phòng Tài nguyên và Môi trường có 08 cán bộ phụ trách về lĩnh vực môi trường, 12/12 xã, thị trấn đều bố trí cán bộ phụ trách lĩnh vực bảo vệ môi trường.

+ **Huy động nguồn lực tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường:** Nhằm huy động nguồn lực xã hội trong hoạt động bảo vệ môi trường, thời gian qua, huyện đã tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường. Tính đến nay trên địa bàn huyện đã có 03 hợp tác xã tham gia công tác thu gom chất thải rắn và 03 doanh nghiệp tham gia hoạt động trong lĩnh vực thu gom, xử lý chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt và công nghiệp.

+ **Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý chất thải rắn và hướng dẫn thực hiện:** Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên và môi trường luôn được chú trọng, ngày càng được đổi mới và đi vào chiều sâu. Các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, in ấn phổ biến văn bản pháp luật, tổ chức xét tặng và trao giải thưởng môi trường cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ môi trường... được thực hiện thường xuyên và ngày càng tăng về quy mô, chất lượng. Hoạt động tuyên truyền về chất thải rắn cũng được chú trọng trên Đài truyền thanh huyện. Ngoài ra thông qua các hội đoàn thể, huyện đã chỉ đạo UBND các xã thành lập các Chi hội tự quản môi trường tại các cấp cơ sở, hoạt động của các tổ tự quản chủ yếu là các hoạt động liên quan đến vệ sinh môi trường, thu gom chất thải trong dân cư và đô thị, góp phần bảo vệ môi trường ngày một tốt hơn.

+ **Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong quá trình hoạt động quản lý chất thải rắn:**

Trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu được quy hoạch 01 khu công nghiệp và 06 cụm công nghiệp, 01 cụm nghề. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đã hoạt động trong các cụm công nghiệp này đều đã tự xây dựng hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Hoạt động, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động quản lý chất thải rắn được thường xuyên kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm từ hoạt động thu gom đến xử lý.

Trên địa bàn huyện có 01 khu quy hoạch xử lý rác thải tập trung tại ấp 4, xã Vĩnh Tân với diện tích khoảng 80 ha, trong đó đã có 03 công ty đã đầu tư xây dựng như: Công ty TNHH Thanh Tùng 2; Công ty TNHH Thiên Thanh; Công ty CPMT Sonadezi. Các công ty đã đi vào hoạt động đã thực hiện lập đầy đủ các thủ tục về môi trường theo quy định. Tính đến nay mỗi ngày lượng chất thải sinh hoạt được thu gom, vận chuyển về khu xử lý Quang Trung khoảng 72 tấn/ngày rác thải sinh hoạt và khoảng hơn 435 tấn/ ngày rác thải sinh hoạt của thành phố Biên Hòa; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện đạt 99%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải y tế đạt 100%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và nguy hại đạt 100%.

Các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Song song với những nhiệm vụ trên, huyện tập trung triển khai những công việc đang thực hiện hàng năm cụ thể như:

Quyết định số 4519/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt Đề án tổng thể phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020. Tiếp tục thực hiện công tác phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn khu phố 5, thị trấn Vĩnh An và mở rộng tại các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định 4519/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai. Hiện tại trên địa bàn huyện không có phát sinh, tái lập bãi rác tạm.

Triển khai lắp đặt 139 thùng chứa (Ống cống bằng bê tông có độ dày từ 3cm đến 5cm, đường kính 1m, chiều cao 1m, có nắp đậy bên trên bằng bê tông) để tránh nước mưa, tiện cho việc thu gom và không làm rơi vãi ra môi trường xung quanh) rác thải phát sinh trong quá trình sản xuất nông nghiệp như: bao bì, vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật ở các vùng canh tác, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn 11 xã và thị trấn Vĩnh An. Huyện đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Thanh Tùng 2 thu gom, vận chuyển và xử lý đối với lượng vỏ bao bì, chai thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng ở các vùng canh tác, sản xuất nông nghiệp phát sinh trên địa bàn các xã và thị trấn Vĩnh An

+ Xử lý môi trường tại các khu, cụm công nghiệp:

Để đảm bảo trong công tác bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Huyện đã chỉ đạo cho Phòng Tài nguyên môi trường hợp đồng với đơn vị có chức năng lập hồ sơ đề án bảo vệ môi trường chi tiết để tham mưu UBND huyện trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định và thực hiện xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các khu, cụm công nghiệp. Bên cạnh đó thường xuyên tham mưu UBND huyện kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; kịp thời phát hiện và xử lý kiên quyết theo quy định pháp luật đối với các trường hợp vi phạm luật bảo vệ môi trường.

Song song với việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Huyện cũng yêu cầu chủ dự án các khu, cụm công nghiệp và các chủ cơ sở sản xuất trong khu, cụm công nghiệp trước hết phải chấp hành đầy đủ thủ tục pháp luật quy định về bảo vệ môi trường, thông qua thủ tục đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường (đối với dự án mới), thực hiện đề án bảo vệ môi trường (đối với cơ sở đang hoạt động). Nhìn chung các biện pháp xử lý nước thải của các doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện đã đáp ứng được việc xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, trong thời gian qua không có khiếu nại, phản ánh của người dân liên quan đến việc xả nước thải của khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.

+ Các nguồn thải (nước thải, khí thải và chất thải rắn) phát sinh trong quá trình hoạt động của các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn/tiêu chuẩn môi trường theo quy định, cụ thể:

Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều nước thải đều đã được xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải phát sinh theo quy định. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô nhỏ, lượng nước thải phát sinh ít và chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân, các cơ sở này đều thu gom và xử lý nước thải phát sinh bằng hầm tự hoại.

*** Đối với KCN Thạnh Phú:**

- Đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải với công suất 500m³/ngày đêm để xử lý nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp đã thực hiện đầu tư hệ thống quan trắc tự động để kiểm soát lưu lượng và các thông số COD, TSS, ĐO, pH của hệ thống xử lý nước thải. Qua kết quả quan trắc chất lượng nước thải các thông số đạt QCVN theo quy định.

-Đối với chất thải nguy hại phát sinh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Thạnh Phú: Đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại; hợp đồng nguyên tắc liên kết vận chuyển chất thải nguy hại với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

*** Đối với các Cụm công nghiệp:**

-Tất cả các công ty, doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện đều đầu tư các hệ thống thu gom và xử lý nước thải phát sinh đáp ứng được QCVN theo quy định và tuân thủ theo các cam kết trong hồ sơ môi trường đã được UBND tỉnh hoặc UBND huyện phê duyệt.

* Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở những tuyến thu gom rác thải sinh hoạt thuận tiện, hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương, vận chuyển rác đến địa điểm xử lý rác tập trung theo quy định. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh ở những vùng sâu, vùng xa, tuyến thu gom rác không thuận tiện, các cơ

sở sản xuất kinh doanh đều tự thu gom và xử lý chất rắn sinh hoạt phát sinh theo hướng dẫn của UBND xã.

Chất thải nguy hại: Các cơ sở sản xuất kinh doanh phát sinh chất thải nguy hại với số lượng lớn đều bố trí nơi lưu giữ theo đúng quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh phát sinh chất thải nguy hại ít (khoảng vài kg/năm), chủ cơ sở thu gom và lưu giữ tại cơ sở, khi đủ số lượng sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

3.8. Tiêu chí số 8 về An ninh trật tự xã hội

Hàng năm, Huyện ủy có Nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc.

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, Kế hoạch của UBND huyện, Công an huyện đã chủ động xây dựng, triển khai các kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh, phân công lực lượng quản lý bám sát địa bàn, phối hợp các phòng nghiệp vụ Công an tỉnh giám sát các đối tượng chính trị, số đối tượng liên quan các tổ chức phản động kịp thời nắm tình hình để đấu tranh, ngăn chặn vô hiệu hóa các đối tượng có biểu hiện hoạt động phức tạp liên quan đến ANQG. Trong thời gian qua tình hình ANCT trên địa bàn huyện luôn được giữ vững ổn định, không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người kéo dài, trong năm 2017 không xảy ra.

Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; giảm tội phạm, giảm ma túy, giảm tệ nạn xã hội, giảm tai nạn giao thông, so với các năm trước (03 năm liền kề): Hàng năm, Công an huyện chủ động phối hợp cùng các ban ngành, đoàn thể mở nhiều đợt tấn công, trấn áp các loại tội phạm, đảm bảo ANTT trong các cao điểm, các ngày lễ, tết, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Tham mưu cho Ban Chỉ đạo phòng chống AIDS, tội phạm và tệ nạn xã hội huyện lựa chọn các địa bàn xã Phú Lý, Thạnh Phú, Vĩnh Tân phức tạp về ANTT để thực hiện nhiệm vụ chuyển hóa. Từ đó, tình hình phạm pháp hình sự, tệ nạn xã hội đều giảm, cụ thể như sau:

- Hiện nay, trên địa bàn huyện không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không xảy ra các vụ trọng án.

3.9. Tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới:

Ban hành các Quyết định thành lập, củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Vĩnh Cửu; Tổ chuyên trách giúp việc cho BCD; Thành lập Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới cấp huyện do Đ/c Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh văn phòng. Ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo huyện và trong quá trình thực hiện có điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Xây dựng quy chế hoạt động của Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới huyện.

Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM.

Trong quá trình triển khai thực hiện, việc kiện toàn củng cố Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp huyện, xã và Tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo giai đoạn 2010-2020 được thực hiện kịp thời sau khi có sự thay đổi về nhân sự, nên việc theo dõi xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đảm bảo thường xuyên liên tục.

Phong trào thi đua “Toàn huyện chung sức xây dựng nông thôn mới” được hưởng ứng và tổ chức thực hiện nghiêm túc đem lại nhiều kết quả tích cực. Đặc biệt, có sự tham gia tích cực của UBMTTQVN và các Đoàn thể huyện. Cụ thể:

Hệ thống Mặt trận TQVN từ huyện đến cơ sở phối hợp các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức thành viên cùng cấp vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; thông qua cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” nay là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” tổ chức tuyên truyền lồng ghép trong các hội nghị, buổi tập huấn, họp dân... kết quả có trên có 4.562 người tham dự.

Để phát động phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2017 trên địa bàn huyện. Nhằm nâng cao nhận thức trong việc bảo vệ môi trường trong từng cán bộ, hội viên. Ban thường vụ hội LHPN huyện Vĩnh Cửu đã xây dựng đề án: Phụ nữ tham gia xây dựng nông thôn mới và cuộc vận động phụ nữ Vĩnh Cửu chung tay xây dựng nông thôn mới. Nhằm thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm được phân công để góp phần trong việc nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, phát huy tinh thần trách nhiệm của hội LHPN trong việc xây dựng huyện nông thôn mới.

Ban chấp hành Hội Nông Dân huyện cũng đã xây dựng nhiều kế hoạch phối hợp với các đoàn thể huyện và tất cả các tổ chức hội cơ sở trực thuộc để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm. Đặc biệt trong đó là thực hiện tổng vệ sinh môi trường phát quang bụi rậm, khai thông cống rãnh, thu gom rác thải, chất thải, trồng cây xanh, thảm cỏ trên các tuyến đường giao thông và trong khuôn viên trụ sở, cơ quan đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. Đồng thời để góp phần chung tay xây dựng nông thôn mới, Ban chấp hành huyện hội còn vận động kinh phí từ các mạnh thường quân, hội viên để hỗ trợ các địa phương thực hiện nhiều nhà tình thương, mua thẻ bảo hiểm y tế tặng cho những gia đình khó khăn, cũng như thực hiện lắp đặt các điểm tập kết bao bì, vỏ chai thuốc BVTV trên địa bàn các xã, đảm bảo không để xảy ra tình trạng vứt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, hỗ trợ các địa phương trong công tác vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thực hiện các mô hình sản xuất hiệu quả để nâng cao thu nhập cải thiện đời sống người nông dân.

Ban chấp hành Huyện hội CCB huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện tổng vệ sinh môi trường phát quang bụi rậm, khai thông cống rãnh, thu gom rác thải, chất thải, trồng cây xanh, thảm cỏ trên các tuyến đường giao thông và trong

khuôn viên trụ sở, cơ quan đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. Đồng thời để góp phần chung tay xây dựng nông thôn mới, Ban chấp hành huyện hội còn vận động kinh phí từ các mạnh thường quân, hội viên để hỗ trợ các địa phương thực hiện nhiều nhà tình thương, mua thẻ bảo hiểm y tế tặng cho những gia đình khó khăn, cũng như hỗ trợ để thực hiện các công trình khác phục vụ sinh hoạt cho gia đình hội viên.

Huyện đoàn Vĩnh Cửu đã chỉ đạo các cơ sở Đoàn tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm đẩy mạnh phong trào “Tuổi trẻ Vĩnh Cửu chung tay xây dựng nông thôn mới” phát huy tinh thần xung kích của tuổi trẻ huyện nhà trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành các mục tiêu mục tiêu, nhiệm vụ đã đặt ra. Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ thanh niên tích cực tham gia phát triển kinh tế nông thôn, tham gia xây dựng cảnh quan hạ tầng và bảo vệ môi trường, các hoạt động phát huy vai trò Đoàn viên thanh niên xung kích, tình nguyện tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn:

Hàng năm, HĐND huyện xây dựng kế hoạch tổ chức giám sát các địa phương về tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới. Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo, phân công các đồng chí UV.BTV, HUV, Thủ trưởng các phòng ban phụ trách từng xã, từng tiêu chí, hàng tuần có lồng ghép vào các buổi làm việc với các ngành và địa phương để theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất Huyện ủy, UBND huyện chỉ đạo kịp thời, đã đảm bảo cho việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại các địa phương được thực hiện thuận lợi và hiệu quả.

IV. Đánh giá chung:

1. Những mặt đã làm được:

Nhìn chung, Chương trình đã được triển khai thực hiện đồng bộ, chủ động và quyết tâm, quyết liệt. Nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng nông thôn mới ngày được nâng lên, thể rõ tinh thần và trách nhiệm trong tham gia xây dựng nông thôn mới. Trên địa bàn huyện, phong trào thực sự đi vào ý thức của mỗi người dân và tạo đà cho các địa phương đẩy nhanh xây dựng và phát triển kinh tế xã hội chung trên địa bàn. Không khí thi đua xây dựng nông thôn mới lan toả rộng khắp, nhân dân tự nguyện đóng góp công sức, tiền của, đất đai...để xây dựng Nhà văn hóa ấp, mở rộng các trục đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, lưới điện phục vụ cho sản xuất.

Sau gần 10 năm thực hiện Nghị Quyết số 26-NQ/TW của Trung ương, đến nay huyện có 11/11 xã đã được UBND tỉnh Đồng Nai công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; huyện đã được Thủ tướng Chính Phủ ban hành Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 22/03/2018 Công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017. Đặc biệt là tính đến tháng 6 năm 2019 trên địa bàn huyện có 4/11 xã đã được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Công tác quy hoạch được huyện thực hiện kịp thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội ở địa phương; công bố, công khai rộng rãi quy hoạch, tới người dân và công tác quản lý, thực hiện đảm bảo theo quy hoạch được phê duyệt.

Cơ sở hạ tầng ở nông thôn được phát triển mạnh, đồng bộ, bộ mặt nông thôn được cải thiện rõ rệt, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội. Các tuyến đường giao thông nông thôn được đầu tư bê tông xi măng, cấp phối đá dăm sạch sẽ, mạng lưới chợ được thực hiện đầu tư xây mới, nâng cấp góp phần phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh dịch vụ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và mức độ hưởng thụ của người dân. Hệ thống lưới điện được thực hiện đầu tư đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và nhu cầu sử dụng sinh hoạt của nhân dân.

Tình hình sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, nhận thức của nông dân đã từng bước chuyển biến sang tư duy sản xuất hàng hóa, các chỉ tiêu về năng suất, sản lượng các loại cây trồng đều đạt và vượt kế hoạch. Kinh tế khu vực nông thôn đã có bước chuyển dịch tích cực, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ phát triển.

Ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất có nhiều tiến bộ. Năng suất, chất lượng cây trồng tăng lên đáng kể, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với quy hoạch, nâng cao giá trị thu nhập trên 01 đơn vị diện tích đất nông nghiệp.

Thu nhập của người nông dân ngày càng được cải thiện, cuộc sống vật chất và tinh thần của nông dân có những chuyển biến tích cực, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, nhận thức của người dân được nâng lên rõ nét, thụ hưởng văn hóa ngày càng được cải thiện, khoảng cách giữa thị trấn với vùng nông thôn được thu hẹp, thu nhập bình quân đầu người của huyện năm 2018 đạt 60,3 triệu đồng/người/năm. Ước năm 2019 đạt 64,6 triệu đồng/người/năm tăng 3,15 lần so với năm 2011 (năm 2011 là 20,5 triệu đồng/người/năm); số hộ nghèo A ở khu vực nông thôn thực hiện theo Nghị quyết số 118/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn huyện hiện còn 405 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 0,99%, trong đó có 121 hộ nghèo A chiếm tỷ lệ 0,3%.

Công tác huy động nguồn lực để xây dựng nông thôn mới, huyện triển khai đồng bộ các giải pháp, tập trung các nguồn vốn, lồng ghép hiệu quả chương trình xây dựng NTM với các chương trình mục tiêu quốc gia khác, tăng cường công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực từ nhân dân, doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và nhà ở, đầu tư phát triển sản xuất, đầu tư phát triển xã hội.

Sự nghiệp phát triển giáo dục đào tạo trên địa bàn vùng nông thôn tiếp tục có sự chuyển biến. Hệ thống cơ sở y tế nông thôn được chú trọng đầu tư, thực sự trở thành tuyến chăm sóc sức khỏe ban đầu quan trọng của cư dân nông thôn với 100% số trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia.

Lĩnh vực văn hóa; thông tin truyền thông phát triển nhanh. Hệ thống thông tin liên lạc khu vực nông thôn được đầu tư, hoàn thiện phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh và mở rộng dịch vụ, giao lưu văn hóa của dân cư nông thôn. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư được đông đảo các tầng lớp nhân dân thực hiện, số ấp, gia đình đạt chuẩn văn hóa cao, có 57/57 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa (đạt tỷ lệ 100%), hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa đạt tỷ lệ 99,23% tăng 1,73 % so với năm 2011. Môi trường nông thôn có bước cải thiện, tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

Hệ thống tổ chức chính trị xã hội: Đội ngũ cán bộ cơ sở đã được kiện toàn, củng cố cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt về chất lượng từng bước được nâng cao rõ rệt. So với đầu Chương trình, cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, chính trị đạt chuẩn tăng cao: cán bộ chuẩn chuyên môn đạt 94%, tăng 36,4% so với đầu Chương trình, công chức đạt chuẩn trình độ lý luận chính trị đạt 100%, tăng 40,1% so với đầu Chương trình. Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn được đảm bảo.

Trong quá trình chỉ đạo, điều hành về phát triển kinh tế - xã hội nói chung và thực hiện Chương trình MTQG XDNTM nói riêng, huyện Vĩnh Cửu luôn nâng cao vai trò, nhiệm vụ quan trọng trong công tác bảo vệ tài nguyên môi trường, nhất là bảo vệ tài nguyên rừng, môi trường nước cho hồ Trị An.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới chất lượng còn có mặt hạn chế, trong quá trình thực hiện còn phải cập nhật, điều chỉnh bổ sung, để phù hợp với quá trình xây dựng phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

Kinh tế hợp tác xã mặc dù đã có nhiều chuyển biến nhưng mức tăng trưởng chậm, đóng góp của HTX vào tốc độ phát triển chung của huyện còn thấp, chưa đủ sức đảm nhận vai trò tích cực trong phát triển kinh tế địa phương. Mô hình liên kết trong sản xuất giữa doanh nghiệp và nông dân đã được hình thành, bước đầu đã đem lại những kết quả nhất định, nhưng chưa thật sự bền vững, chủ yếu do ảnh hưởng biến động thị trường về giá sản phẩm.

Cảnh quan, môi trường nông thôn, nhất là về sáng, xanh, sạch, đẹp trong thời gian qua đã được tập trung thực hiện đạt kết quả khá tốt. Tuy nhiên vẫn còn một số khu vực mặc dù đã có chuyển biến nhưng chưa thật sự khởi sắc, cần phải tập trung nhiều hơn nữa trong quá trình thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao trong thời gian tới.

Chỉ tiêu người dân tham gia BHYT mặc dù trong thời gian qua trên địa bàn huyện vẫn đảm bảo đạt tỷ lệ theo quy định của Bộ tiêu chí. Tuy nhiên tỷ lệ đạt chưa thật sự bền vững, thường người dân không tiếp tục tham gia khi thẻ hết hạn. Do vậy để duy trì và nâng cao tỷ lệ tham gia cần phải tập trung vận động quyết liệt hơn trong quá trình thực hiện Bộ tiêu chí NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu.

Việc huy động nguồn lực cho xây dựng NTM trong những năm qua được tổ chức vận động đạt kết quả khá cao, cơ bản đáp ứng được yêu cầu chung trong quá trình triển khai thực hiện chương trình. Tuy nhiên vẫn còn một số địa phương do địa bàn rộng, dân cư sống không tập trung, thu nhập còn hạn chế nên việc huy động vốn thực hiện đầu tư mới, nâng cấp, sửa chữa hệ thống hạ tầng nông thôn chưa kịp thời (do dân cư sống không tập trung, nên mức góp vốn khá cao, vì vậy người dân phải đóng góp làm nhiều lần làm chậm tiến độ thực hiện).

Trong thành tựu chung của huyện có sự đóng góp tích cực, hiệu quả của công tác tuyên truyền, vận động quần chúng; tuy nhiên có nơi, có lúc hiệu quả chưa cao, chưa thật sự lan toả, thấm thấu.

3. Bài học kinh nghiệm:

Một là, công tác tuyên truyền vận động, trước hết mọi tầng lớp nhân dân nhân dân nắm rõ chủ trương của Đảng, Nhà nước, hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của công tác xây dựng nông thôn mới; thấy được vai trò, tầm quan trọng của mình, nhất là người dân khu vực nông thôn, để cùng nhà nước chung tay xây dựng nông thôn mới bằng các việc làm cụ thể như: hiến đất, hoa màu, công trình trên đất, tiền của và ngày công lao động để xây dựng các công trình phục vụ dân sinh; Phát huy tốt vai trò tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội; vai trò, trách nhiệm của các phòng, ban là thành viên Ban Chỉ đạo trong việc theo dõi và hướng dẫn địa phương thực hiện các tiêu chí.

Hai là, Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải tập trung, đồng bộ, bám sát, quyết tâm, quyết liệt, tập trung các nguồn lực để xử lý dứt điểm từng vụ việc, từng khó khăn vướng mắc, không để các khó khăn vướng mắc tác động, ảnh hưởng chung đến thực hiện Chương trình. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện phải tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện của các xã, định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện và kịp thời đề ra các giải pháp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc. Các đơn vị, các xã phải xây dựng kế hoạch chi tiết có lộ trình, thời gian, giải pháp cụ thể. Kế hoạch phải có sự thống nhất và phê duyệt của huyện đối với xã để triển khai thực hiện.

Ba là, đa dạng hoá việc huy động nguồn lực để xây dựng nông thôn mới theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Việc sử dụng nguồn lực vào các công trình công cộng phải được người dân bàn bạc dân chủ và thống nhất, có giám sát cộng đồng, đảm bảo công khai, minh bạch; qua đó, thực hiện tốt quy chế dân chủ và công tác huy động xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông thôn ngày càng củng cố và phát triển.

Bốn là, mục tiêu cơ bản của xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho cư dân nông thôn và tạo tiền đề để phát triển kinh tế. Do vậy, cần phải tập trung ưu tiên chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất để

không ngừng nâng cao mức sống cho người dân; liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tổ chức tốt việc đào tạo nghề, gắn chặt công tác đào tạo nghề với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, tạo bước phát triển mạnh về phát triển kinh tế nông nghiệp, tăng thu nhập cho người nông dân. Đây là cái gốc để đầu tư xây dựng nông thôn mới.

Năm là, thực hiện tốt công tác cán bộ: Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ xã có đủ trình độ, năng lực để tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới ở tại địa bàn dân cư nông thôn. Phát huy tốt vai trò của người đứng đầu và gắn chặt với việc đánh giá cán bộ với thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Trong thực hiện phải sáng tạo, vận dụng các cơ chế, chính sách phù hợp vào thực tiễn từng lĩnh vực, từng địa phương, phát huy tốt vai trò người đứng đầu trong cấp ủy, chính quyền, cơ quan đơn vị, vai trò chủ thể người nông dân.

Phần thứ hai

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG SAU NĂM 2020

I. Quan điểm:

1. Tiếp tục xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, đồng bộ trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh; gắn chặt với quy hoạch vùng huyện được phê duyệt nhằm phát triển nông thôn mới trong một không gian hài hòa, bền vững.

2. Xây dựng, phát triển nông thôn mới gắn chặt với thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, thúc đẩy sản xuất hàng hóa lớn, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, gắn phát triển nông thôn với phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường văn hóa được bảo vệ, an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Xây dựng nông thôn mới đảm bảo theo định hướng quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng, môi trường và các dịch vụ xã hội phù hợp với định hướng đô thị hóa; từng bước chuẩn bị cho việc hình thành đô thị nông thôn, nhằm tránh lãng phí nguồn lực đầu tư. Tập trung xây dựng thí điểm khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu làm cơ sở tiền đề để xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu

4. Phát triển kinh tế gắn với công tác bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ nguồn nước cho hồ Trị An, đây là nhiệm vụ quan trọng của huyện để bảo vệ “lá phổi” của tỉnh Đồng Nai. Chú trọng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch vào các ngành nông nghiệp nhằm tăng giá trị lao động và bảo vệ môi trường.

II. Mục tiêu:

Xây dựng huyện nông thôn mới có kinh tế - xã hội phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, phù hợp với điều kiện thực tế và định

hướng, mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện khóa X nhiệm kỳ 2015-2020, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của huyện đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Xây dựng huyện Vĩnh Cửu đạt nông thôn mới kiểu mẫu có môi trường xanh - sạch - đẹp và văn minh; có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch; xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, văn minh, giữ gìn bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

Phấn đấu đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt trên 67 triệu đồng/người/năm. Cơ bản xóa được hộ nghèo.

Giữ vững và nâng cao chất lượng theo tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu đối với 03 xã Bình Hòa, Tân Bình và Hiếu Liêm. Phấn đấu có thêm 1-2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (Bình Lợi).

Sau năm 2020 phấn đấu thực hiện đạt theo chỉ tiêu của Tỉnh ủy và Ban chỉ đạo NN-ND-NT & XDNTM tỉnh Đồng Nai.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, nhất là những thông tin mới, những vấn đề thực tế đặt ra cần tập trung chỉ đạo đối với chương trình, đặc biệt đối với những nội dung liên quan đến việc nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đạt được. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa về nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân, phát huy có hiệu quả sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong triển khai tổ chức thực hiện. Phát hiện, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng kịp thời những cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, các điển hình tiên tiến. Phát động và thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua để tạo điển hình, động lực thúc đẩy thực hiện phong trào.

2. Tập trung thực hiện tốt công tác quy hoạch: gắn chặt quy hoạch nông thôn mới với quy hoạch vùng huyện; quy hoạch phải thể hiện rõ yếu tố định hướng và tính kết nối cao của hệ thống hạ tầng và đảm bảo quản lý theo đúng quy hoạch; không có tổ chức, cá nhân vi phạm quy hoạch theo quy định.

3. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tốt Nghị quyết số 05 ngày 05/9/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 12367/KH-UBND ngày 19/12/2016 về huy động nguồn lực xây dựng và phát triển nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 để huy động tối đa mọi nguồn lực tại địa phương, các nguồn vốn đóng góp, hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân ngoài tỉnh, để tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn và duy tu nâng cấp các công trình hiện có, chỉnh trang nông thôn. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của nhà nước theo cơ chế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (nguồn vốn nhà nước thực sự là nguồn vốn kích cầu, dẫn dắt huy động các nguồn vốn khác) và các nguồn vốn lồng ghép của các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

4. Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, trong đó, chú ý phát triển mở rộng các mô hình kinh tế tiên tiến hiệu quả, hình thành các vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung, đáp ứng yêu cầu 5 có: “có giá trị cao, có khả năng cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ theo chuỗi liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm, có hiệu quả cao và có thương hiệu”. Phát triển nông nghiệp bền vững, phấn đấu đến năm 2020 giá trị sản phẩm thu hoạch trên ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt trên 165 triệu đồng/ha/năm, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 67,5 triệu đồng/người/năm. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp-dịch vụ-du lịch, coi đây là cái gốc để đầu tư xây dựng nông thôn mới.

5. Tập trung chỉnh trang nông thôn mới, tạo cảnh quan môi trường nông thôn đảm bảo nông thôn luôn “Sáng, xanh, sạch, đẹp, bền vững”. Coi công tác chỉnh trang nông thôn, xây dựng các khu dân cư kiểu mẫu là tiền đề cốt lõi, là nhiệm vụ chính yếu trong thực hiện nông thôn mới nâng cao và NTM kiểu mẫu.

6. Làm tốt công tác an ninh trật tự trên địa bàn: đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân trong phòng, chống tội phạm. Phát động phong trào quần chúng tích cực thực hiện phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc. Củng cố, nhân rộng các mô hình quần chúng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các đề án, phương án, kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn.

7. Xây dựng phát triển nguồn nhân lực: có kế hoạch cụ thể đào tạo, bồi dưỡng tăng cường lực lượng cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với việc thực hiện Chương trình; Phát huy tốt vai trò của người đứng đầu và đánh giá, khích lệ đúng mức đối với cán bộ làm tốt, cũng như kiên quyết thay thế đối với những cán bộ không đủ khả năng đảm nhận nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác, kiểm tra, giám sát trong thực hiện chương trình tại cơ sở.

Phần thứ ba **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2020 và định hướng sau năm 2020. UBND huyện Vĩnh Cửu kiến nghị như sau:

1. Kiến nghị UBND tỉnh:

- Ban hành cơ chế đặc thù trong quản lý xây dựng đối với một số dự án thuộc CTMTQG XDNTM giai đoạn 2016-2020, trong đó Dự án theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 phù hợp với điều kiện của Đồng Nai.

- Sớm ban hành quy trình và hướng dẫn thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 7/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình OCOP).

- Hỗ trợ kết nối, thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào các vùng sản xuất nông nghiệp để giải quyết tốt khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Đầu tư phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng, nông nghiệp trải nghiệm,... nhằm phát huy thế mạnh, tiềm năng du lịch của huyện Vĩnh Cửu.

- Ngoài tiền thưởng cho xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao (sắp tới là nông thôn mới kiểu mẫu), kiến nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí hỗ trợ kinh phí hằng năm cho các xã để duy trì, giữ vững và nâng cao các tiêu chí đã đạt khoảng 150 triệu đồng – 200 triệu đồng/xã/năm từ ngân sách tỉnh.

2. Kiến nghị các Sở, ngành:

- Đề nghị khi hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, Khu dân cư kiểu mẫu cần sát với nhu cầu thực tế của cư dân nông thôn, bên cạnh đó cần gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình mỗi xã một sản phẩm và chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

Trên đây là báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.

Nơi nhận:

- BCĐ NN-ND-NT & XDNTM tỉnh Đồng Nai;
- Sở NN&PTNT tỉnh Đồng Nai;
- VPĐP XDNTM tỉnh Đồng Nai;
- TT.Huyện ủy Vĩnh Cửu;
- TT.HĐND huyện Vĩnh Cửu;
- CT, các PCT UBND huyện Vĩnh Cửu;
- Trưởng BCĐ NN-ND-NT&XDNTM huyện;
- UBMTTQ huyện và các cơ quan thành viên;
- VPĐP XDNTM huyện Vĩnh Cửu;
- VP.HĐND-UBND huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: VTTH

TM. UBND HUYỆN VĨNH CỬU

ỦY CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Minh Phước